



## Mục lục

### SỰ KIỆN

#### 3 VŨ VĂN HIỀN:

Vang mãi Bài ca Tháng Tám

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

#### 6 ĐOÀN MINH HUẤN:

Về trí thức và vai trò, nhiệm vụ của trí thức Việt Nam đối với sự phát triển đất nước

#### 17 NGUYỄN VĂN PHONG:

Vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

#### 34 PHẠM VIỆT TRUNG:

Tác chiến không gian mạng trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa

**44 NGUYỄN VĂN BÔNG:**

**Quân đội với nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam**

---

**55 VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU: Vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng nền văn hóa dân tộc****THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**65 Chủ tịch nước làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương về Đề án xây dựng Nhà nước pháp quyền****69 Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng xanh, bền vững**

---



SỰ KIỆN

# VANG MÃI BÀI CA THÁNG TÁM

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Lịch sử xã hội loài người cứ tiến lên theo quy luật của nó với những nấc thang phát triển xã hội sau cao hơn xã hội trước và cuối cùng nhất định tiến tới chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Những nấc thang vô cùng lớn lao đó là những thời đại được đánh dấu bằng cột mốc lịch sử, sự kiện trọng đại hoặc các cuộc cách mạng điển hình. Lịch sử xã hội loài người do chính con người tạo ra và trong sự phát triển của nhân loại có những dân tộc, những sự kiện khai sáng, kiến tạo nên những chế độ mới, thời cuộc mới. Dân tộc Việt Nam đã làm nên cách mạng Tháng Tám và đó là một cuộc cách mạng làm thay đổi vận mệnh của các nước thuộc địa, thay đổi tính chất của thời đại.

Nhìn lại lịch sử trong mấy thế kỷ qua, chủ nghĩa tư bản đã từng làm mưa làm gió, thống trị toàn thế giới và tự coi đó

là thời đại vĩnh hằng. Đã có lúc “mặt trời không bao giờ lặn” trên đất nước Anh. Đã có những năm dài mệnh mông không bờ bến những quốc gia thuộc địa của thực dân Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha ở các nước châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh.

Giữa lúc chủ nghĩa tư bản đang cực thịnh như thế thì tư tưởng về chủ nghĩa xã hội ra đời. Lúc đầu lý thuyết về chủ nghĩa xã hội chỉ được ví như “bóng ma ám ảnh châu Âu”, nhưng với lý luận khoa học của Mác, Ăngghen và Lênin, lý thuyết đó đã trở thành một học thuyết khoa học về phát triển xã hội. Chủ nghĩa xã hội từ chỗ là lý luận khoa học đầy sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành hiện thực, đó là Cách mạng Tháng Mười Nga. Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội cách mạng tháng Mười Nga là sự đột phá vĩ đại, là bản anh hùng ca sáng ngời mở ra thời



*Mít tinh Tổng khởi nghĩa tại Quảng trường Nhà hát lớn Hà Nội ngày 19/8/1945 \_ Ảnh tư liệu*

đại mới - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Cách mạng tháng Mười thực chất là cuộc cách mạng giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, chặt đứt xiềng xích của chế độ tư bản chủ nghĩa ở mắt xích yếu nhất, mở đầu một kiểu tổ chức xã hội mới, tiến tới chế độ mới không có người bóc lột người. Nhưng còn một công xiềng thứ hai do chủ nghĩa tư bản gây ra vẫn còn tồn tại. Đó là chủ nghĩa thực dân cùm chân, đè đầu, cưỡi cổ nhân dân các nước thuộc địa. Việt Nam ở trong hoàn cảnh đó với hai tầng áp bức là chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến. Với truyền thống yêu nước và ý chí quật cường của dân tộc, có biết

bao chí sĩ, anh hùng từng đứng lên phát cờ giải phóng dân tộc. Các bậc sĩ phu, anh hùng hào kiệt trí tuệ, mưu lược có thừa nhưng đều thất bại, mọi phong trào chống Pháp cứu nước đều bị chìm trong biển máu. Lịch sử Việt Nam và các nước thuộc địa khi ấy khao khát một đường đi để có thể giải phóng cho mình và tiến bước cùng thời đại. Đi đâu, đến đâu, làm thế nào là câu hỏi lớn. Nhưng rồi chính lịch sử đã có một đáp án hoàn hảo: Bác Hồ - Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam đã giải đáp trọn vẹn câu hỏi lớn đó. Với lòng yêu nước thương dân vô bờ bến, với trí tuệ tuyệt vời và am hiểu thấu đáo Đông - Tây - kim -

cổ, với việc vận dụng và phát triển sáng tạo, tài tình những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam, Bác Hồ đã sáng lập ra Đảng, cùng Đảng lãnh đạo toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhật, tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công.

Cách mạng Tháng Tám là bài ca về sự tài tình của Bác Hồ và Đảng ta trong việc nhận định thời cuộc, nắm chắc tình hình và chớp thời cơ. Hội nghị Trung ương Đảng tại Pắc Bó tháng 5-1941 đã chỉ rõ: Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Rồi ngay khi Nhật, Pháp đánh nhau đêm 9-3-1945, Thường vụ Trung ương Đảng ta ra chỉ thị: Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta, và ngay sau đó phát động toàn dân vùng lên đẩy mạnh đuổi phát xít Nhật. Nắm bắt cơ hội lúc đó chín muồi cho một cuộc khởi nghĩa, Đảng ta chủ trương phát động cao trào kháng Nhật mạnh mẽ và hạ lệnh Tổng khởi nghĩa. Lệnh Tổng khởi nghĩa đã được toàn

dân ủng hộ, tập trung sức mạnh đập tan bộ máy thống trị của Ngụy quyền do Nhật lập ra, giành lại toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám chấm dứt gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp, 5 năm chiến đống và khống chế của Nhật, thống nhất đất nước, giành quyền làm chủ chế độ của quần chúng lao động; lập nên nhà nước cộng hòa đầu tiên ở Việt Nam và Đông Nam Á; đóng góp vào phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới một cách trọn vẹn nhất, chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đứng dậy, tự giải phóng mình.

Tháng Tám - Mùa thu Cách mạng mãi mãi đi vào lịch sử đất nước như một trong những bản hùng ca hào hùng nhất. 77 năm đã trôi qua nhưng bài ca Tháng Tám mãi mãi được ngân nga xao động lòng người bởi sự trọn vẹn và kỳ diệu. Đó là bản anh hùng ca sáng ngời khí phách của dân tộc Việt Nam. Làm nên bản hùng ca ấy là dân tộc Việt Nam với sự dẫn dắt tài tình của đội quân tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh do Bác Hồ kính yêu sáng lập và rèn luyện ■



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# VỀ TRÍ THỨC VÀ VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA TRÍ THỨC VIỆT NAM ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

● PGS, TS ĐOÀN MINH HUẤN

Ủy viên Trung ương Đảng,  
Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản

**1** Theo Từ điển Tiếng Việt, “trí thức là người chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình”<sup>1</sup>.

Theo tác giả Đặng Hữu, trí thức là “những người có trình độ học vấn và chuyên môn cao, lao động bằng trí óc trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế, có khả năng sáng tạo ra tri thức và vận dụng tri thức vào thực tiễn, làm ra của cải, phục vụ nhu cầu con người và phát triển xã hội”<sup>2</sup>.

Ngoài tác giả Đặng Hữu, còn có nhiều tác giả khác bàn về quan niệm trí thức<sup>3</sup>. Điều đó cho thấy tính đa

dạng và phức tạp của quan niệm này. Bài viết sử dụng cách hiểu về trí thức trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X, đó là “những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”<sup>4</sup>.

Dù có cách hiểu khác nhau về “trí thức”, nhưng các quan niệm đều thống nhất cho rằng, trí thức là những người mà hoạt động nghề nghiệp của họ chủ yếu sử dụng lao động trí óc. Điều này là để phân biệt với các hoạt động lao

động khác, bởi thực chất, hoạt động lao động nào cũng cần trí tuệ, trí thức, trí óc. Đồng thời, trí thức là những người mà hoạt động của họ mang tính sáng tạo cao, giải quyết được hiệu quả những vấn đề thực tiễn, tạo ra những sản phẩm có giá trị vật chất và tinh thần mà không phải ai cũng có thể tạo ra được.

Đặc điểm này dùng để phân biệt với các hoạt động thông thường của con người, bởi hoạt động của con người, dù là hoạt động có tính lặp lại, cũng đều ít nhiều mang tính sáng tạo.

Ở đây, có vấn đề là, những người có trình độ học vấn cao có phải là trí thức không? Theo chúng tôi, học vấn cao là nền tảng cơ bản để mỗi người trở thành “trí thức”, nhưng học vấn cao không đồng nhất với “trí thức”. Bởi có người có học vấn cao nhưng không làm việc trong lĩnh vực đòi hỏi lao động trí óc nhiều, hay tính sáng tạo nhiều. Những người như vậy thì không thể được coi là trí thức.

Vậy, ai có thể được coi là trí thức. Với cách hiểu về trí thức như trên, thì hiện nay, trí thức chủ yếu bao gồm những nhà văn hóa, nhà lý luận, bác sĩ, kỹ sư, các nhà khoa học, nhà quản lý. Dĩ nhiên, ở từng thời kỳ lịch sử khác nhau, mỗi quốc gia khác nhau, ai được coi là trí thức là không giống nhau. Có người ở thời đại này được coi là trí thức, nhưng ở thời đại khác, khu vực khác thì có thể là không được coi là trí thức.

Đặc điểm cơ bản của trí thức là lao động trí óc, hoạt động sáng tạo, tư duy độc lập, phụng sự xã hội. Những đặc điểm như lao động trí óc, hoạt động sáng tạo, tư duy độc lập là dùng để nhấn mạnh đến hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn chủ yếu của trí thức. Bởi như đã trình bày, ngành nghề nào cũng đòi hỏi ít nhiều những đặc điểm trên. Bên cạnh đó, ở đây, cần chú ý đến đặc điểm “phụng sự xã hội” của trí thức. Nếu trí thức không phụng sự xã hội, không

đem tài năng, khả năng chuyên môn tốt hơn so với các đối tượng khác mà “biết” chỉ để mà “biết” thì chuyên môn sâu của trí thức cũng như không có. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Trí thức là gì? Trí thức là hiểu biết... Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào thực tế*”<sup>5</sup>. Đặc điểm “phụng sự xã hội” của trí thức còn cho thấy, họ không chỉ là người có tài năng chuyên môn cao, mà cần là người có những phẩm chất đạo đức tốt đẹp để dẫn dắt tài năng đó. Nếu không được dẫn dắt bởi đạo đức, thì tài năng chuyên môn, óc sáng tạo,... của “trí thức” sẽ rất dễ bị “dẫn dụ” bởi những ý tưởng và hành vi gây hại to lớn cho xã hội. Lịch sử thế giới đã cho thấy những tai họa, hậu quả khó lường do những “sáng tạo” phản tiến bộ, phản nhân văn của những người

được gọi là kỹ sư, bác sĩ, nhà khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa”<sup>6</sup>.

Trí thức ở mỗi lĩnh vực khác nhau thì sẽ có những biểu hiện đặc thù khác nhau, phản ánh đặc trưng của lĩnh vực, ngành nghề mà họ hoạt động. Lao động trí óc, hoạt động sáng tạo của trí thức trong hoạt động khoa học sẽ khác so với trong lĩnh vực quản lý, nghệ thuật. Ngay trong lĩnh vực hoạt động khoa học thì hoạt động trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ sẽ khác so với lĩnh vực khoa học xã hội. Nhận diện được sự khác nhau trong hoạt động của trí thức ở mỗi lĩnh vực, ngành nghề khác nhau đặt ra yêu cầu về việc cần có ứng xử, đánh giá khác nhau đối với trí thức ở các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau.

Với đặc thù lao động nghề nghiệp, những người được gọi là trí thức, như bác sĩ, kỹ sư, nhà khoa học,... có xuất thân từ các thành phần dân cư khác nhau trong xã hội. Họ có thể xuất



thân từ giai cấp công nhân, nông dân, cũng có thể xuất thân từ giai cấp lãnh đạo. Không gán và không đại diện cho một phương thức sản xuất nào, trí thức không phải một giai cấp, mà chỉ là một tầng lớp trong xã hội. Do đó, họ có thể phụng sự cho giai cấp công nhân, nông dân hoặc giai cấp khác. Điều này là do thế giới quan của họ, họ muốn phụng sự, ủng hộ cho giai cấp, lợi ích nào; đồng thời cho thấy thế giới quan của giai cấp mà muốn họ phụng sự cần phải như thế nào đó, để có thể thu hút, tập hợp được lực lượng tinh hoa này.

2. Như đã đề cập, một đặc điểm quan trọng để phân biệt “trí thức” với những người hoạt động lao động sản xuất khác chính là lao động trí óc. Lao động trí óc với tư cách là loại lao động đặc thù chỉ xuất hiện khi xã hội có sự phân công lao động giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Sự phân công lao động, hình thành lao động trí óc đã tạo điều kiện xuất hiện tầng lớp trí thức. Gắn với hoạt động chuyên môn, lao động trí óc, sự sáng tạo, trí thức dễ dàng sáng tạo ra cái mới, dễ dàng tiếp thu cái mới, nhạy cảm với cái mới, trong đó có những tư tưởng, quan

điểm tiến bộ, và vì vậy, họ có vai trò to lớn trong lịch sử.

Vai trò của trí thức đối với sự phát triển thể hiện ở chỗ, họ đã tạo nên sự phát triển khoa học, đã có những phát minh, sáng chế, thúc đẩy sự phát triển của tư liệu sản xuất, lực lượng sản xuất; là những người lập thuyết, tạo ra những bước ngoặt lịch sử thế giới; là những người định hướng, dẫn dắt các phong trào cách mạng đi đúng đường hướng; là những người sáng tạo, truyền bá tri thức, tham gia các hoạt động thực tiễn. Đồng thời, với tư cách, khả năng của mình, trí thức còn là những người thực hiện hoạt động tư vấn, phản biện xã hội... Chính vì vậy, cùng với vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, trí thức có vai trò quan trọng trong phát triển lực lượng sản xuất, trong thúc đẩy các cuộc cách mạng xã hội, trong sự vận động đi lên của xã hội loài người. Khi nghiên cứu về phong trào cách mạng ở nước Mỹ, Ph.Ăngghen cho rằng, nếu các phong trào đó có những người trí thức, những nhóm nhỏ nắm chắc lý luận thì quá trình cách mạng sẽ được rút ngắn đáng kể<sup>7</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trước đây ở tất cả các



*Ban Chấp hành Trung ương Đoàn tặng bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Diễn đàn Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ IV \_ Ảnh: qdnd.vn*

nước, trong thời kỳ trước cách mạng, chúng ta thấy trí thức đảm nhận vai trò tiên phong, mãi cho đến khi tự bản thân người công nhân đã trở nên giác ngộ hơn và có học vấn hơn, đủ sức lo liệu cho vận mệnh của mình”<sup>8</sup>.

Trong lịch sử, nhờ có những nhà trí thức như Talét, Galilê, Niutơn, Anhtanh, C.Mác, Ph.Ăngghen, I.V.Lê-nin... mà lịch sử nhân loại có những bước tiến vượt bậc. Sự sinh tồn của loài người thật khó đoán định nếu không có những phát minh, sáng chế các loại vắc-xin phòng ngừa bệnh tật

của các nhà dịch tễ, nếu không có phát minh penicillin của Alexander Fleming... Phong trào cách mạng thế giới, chủ nghĩa xã hội sẽ chỉ dừng lại ở chủ nghĩa xã hội không tưởng thời Ôoen, Xanh Ximông... nếu như không có những trí thức như C.Mác, Ph.Ăngghen. Chủ nghĩa xã hội sẽ không trở thành hiện thực nếu như không có V.I.Lê-nin đã bổ sung, phát triển tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen vào thực tiễn nước Nga lúc đó. Có thể thấy, không có trí thức thì loài người sẽ khó có những bước

tiến như ngày nay, cả về khoa học, kỹ thuật, kinh tế, giáo dục, y tế... V.I. Lênin khẳng định: “những chuyên gia, - một hạng người đặc biệt ấy của xã hội, và hạng người này vẫn còn như thế mãi cho đến khi đạt tới giai đoạn phát triển cao nhất của xã hội cộng sản”<sup>9</sup>. Thân Nhân Trung, một nho sĩ Việt Nam thế kỷ XV cho rằng, “Hiển tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc thánh đế, minh vương không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần kíp đầu tiên”<sup>10</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trí thức không có bao giờ thừa”<sup>11</sup>, “Trí thức công nông hóa, trí thức phục vụ nhân dân bây giờ cũng cần, kháng chiến kiến quốc cũng cần, tiến lên xã hội chủ nghĩa càng cần, tiến lên cộng sản chủ nghĩa lại càng cần”<sup>12</sup>.

Trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội. Họ có thể xuất thân từ giai cấp lãnh đạo, cũng có thể từ giai cấp nông dân, hoặc xuất thân từ chính tầng lớp trí thức. Trí thức Việt Nam

hình thành, phát triển cùng với lịch sử phát triển dân tộc. Quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam mang đậm dấu ấn của các tầng lớp trí thức qua các giai đoạn lịch sử. Đó là Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phan Châu Trinh, Trần Đại Nghĩa, Đặng Văn Ngũ, Võ Nguyên Giáp... và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong những giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước, trí thức Việt Nam đã không quản ngại khó khăn, miệt mài lao động sáng tạo, tìm ra những tri thức mới, những biện pháp, phương thức mới để ứng dụng, triển khai trong hoạt động thực tiễn nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X đã khẳng định: “Bằng hoạt động sáng tạo, trí thức nước ta đã có đóng góp to lớn trên tất cả các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”<sup>13</sup>, nhờ đó mà “*đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”<sup>14</sup>.

3. Là tầng lớp tinh hoa của xã hội, đại diện cho trí tuệ thời đại, ở mỗi thời kỳ khác nhau, lịch sử cũng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ khác nhau đối với trí thức để giải quyết. Vì vậy, ở mỗi giai đoạn khác nhau, mỗi khu vực, quốc

gia khác nhau, vai trò của trí thức đối với sự phát triển là khác nhau. Với trí thức Việt Nam, trong giai đoạn bảo vệ Tổ quốc, họ nỗ lực tìm ra những phương thức, biện pháp trong lĩnh vực quân sự, kinh tế,... để chiến thắng kẻ địch, thống nhất đất nước. Trong thời kỳ xây dựng đất nước thì vai trò chủ yếu của trí thức là làm thế nào để đất nước có thể phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm phát triển hài hòa các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của các quốc gia trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng. Khi lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, nền kinh tế tri thức, kinh tế số, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa

chọn, thì sức sáng tạo trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho sự phát triển của mỗi quốc gia. Đồng thời với sự biến đổi, phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ, thì trong thời gian tới, như Đại hội XIII của Đảng nhận định: Tình hình thế giới vẫn còn phức tạp, toàn cầu hóa và hội

**Khi lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, nền kinh tế tri thức, kinh tế số, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn, thì sức sáng tạo trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho sự phát triển của mỗi quốc gia.**

nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại và thách thức, chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên. Diễn biến phức tạp của dịch bệnh; mục tiêu phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới. Những điều này đã làm thay đổi mô hình quản lý, phương thức quản trị, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng trong

đời sống xã hội.

Trong thời gian tới, Việt Nam phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động,

nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế... xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao<sup>15</sup>.

Tất cả những điều này đặt ra sự cần thiết tái cơ cấu mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại lực lượng lao động trong xã hội, bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển bền vững, Việt Nam vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và do đó, đặt cho tầng lớp trí thức nước ta những vai trò, nhiệm vụ mới, đó là:

*Thứ nhất*, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Là một tầng lớp có kiến thức, hiểu

biết trong xã hội, trí thức có vai trò trong việc tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, để người dân hiểu và thực hiện. Công việc này có thể thông qua các chương trình giáo dục của đội ngũ trí thức, qua các hình tượng nghệ thuật trong sáng tác văn học, nghệ thuật văn nghệ của đội ngũ trí thức trong lĩnh vực văn hóa; qua các hoạt động thực tiễn của trí thức...

*Thứ hai*, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; đồng thời sáng tạo những tri thức mới.

Sự phát triển của mỗi quốc gia không chỉ dựa vào sức mạnh nội sinh, mà cần cả sức mạnh ngoại sinh, do đó, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là công việc cần thiết đối với nước ta hiện nay. Với khả năng chuyên môn cao, sức sáng tạo, để tiếp nhận cái mới, công việc này thường do trí thức đảm nhiệm. Trí thức cũng đóng vai trò quan trọng trong việc sáng tạo tri thức mới, phù hợp với sự phát triển đất nước. Công việc này không chỉ thể hiện nhu cầu hoạt động chuyên môn, nhu cầu được đánh giá,

được thừa nhận của trí thức, mà còn góp phần tạo ra những tri thức, sáng kiến mới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế đến văn hóa, khoa học, kỹ thuật..., phục vụ sự phát triển đất nước.

*Thứ ba*, truyền bá tri thức, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đặc biệt là nâng cao dân trí cho giai cấp công nhân, với tư cách là đội tiên phong của Đảng, để qua đó, trí thức hóa giai cấp công nhân.

Truyền bá tri thức là hoạt động phổ biến, tuyên truyền các kết quả nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, khoa học. Công việc này có thể thông qua hoạt động giáo dục, qua các phương tiện truyền thông đại chúng... Qua đó, những tri thức khoa học sẽ được lan tỏa đến các tầng lớp nhân dân, góp phần phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí. Đặc biệt, trong quá trình này, giai cấp công nhân Việt Nam với tư cách là lực lượng nòng cốt của Đảng, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội, sẽ có điều kiện tiếp thu tri thức tiến bộ của nhân loại, thực hiện được sứ mệnh của mình, như Ph.Ăngghen đã từng nhận định: “Các

cuộc cách mạng tư sản trước đây đòi hỏi các trường đại học chỉ đào tạo ra các trạng sư làm nguyên liệu tốt nhất để hình thành nên những nhà hoạt động chính trị của chúng; ngoài đòi hỏi đó, sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân còn cần phải có những bác sĩ, kỹ sư, nhà hóa học, nông học và các chuyên gia khác, vì vấn đề là phải nắm lấy việc quản lý không phải chỉ bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội nữa, và ở đây cần đến những kiến thức vững chắc chứ không phải là những câu xuông oang oang”<sup>16</sup>. V.I.Lênin đã từng cho rằng, “Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào”<sup>17</sup>.

*Thứ tư*, hoạt động dự báo, tư vấn, phản biện xã hội, định hướng dư luận.

Với kiến thức chuyên môn sâu, tư duy logic, trí thức Việt Nam có vai trò quan trọng trong hoạt động dự báo, tư vấn, phản biện, đưa ra những nhận định để từ đó, giúp nhà quản lý, hoạch định chính sách xây dựng được các kế

hoạch, chương trình hành động cho tương lai. Chẳng hạn như với ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, trí thức Việt Nam trên cơ sở những nghiên cứu của mình, đã đưa ra những dự báo, tư vấn, phản biện để trên cơ sở đó, các cơ quan hữu trách đề xuất kế hoạch hành động nhằm giảm thiểu thấp nhất những tác hại của dịch bệnh đến đời sống của nhân dân. Trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... cũng như vậy. Thông qua các kết quả nghiên cứu, các đề án, đề tài, hội thảo khoa học, tọa đàm, trao đổi chuyên gia, trí thức Việt Nam cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoạch định chính sách. Những hoạt động này của trí thức sẽ giảm thiểu những tác hại (nếu có), đồng thời, để các cấp, bộ, ngành xây dựng kế hoạch đón nhận những tác động tích cực trong tương lai..

*Thứ năm*, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận.

Đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước là chưa có tiền lệ trong lịch sử. Do đó, trong quá trình này, chúng ta không tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm. Để hạn chế mức thấp nhất những tác hại không mong muốn,

công tác tổng kết thực tiễn cần được tiến hành; qua đó, bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cho phù hợp với đặc điểm dân tộc và bối cảnh thế giới. Thông qua các kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đội ngũ trí thức hoàn thiện, bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng rõ hơn.

4. Có thể thấy, để trí thức đem hết tài năng, sức sáng tạo, thực hiện vai trò, nhiệm vụ phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc thì cần có chiến lược bồi dưỡng, xây dựng và phát huy vai trò của họ. Điều này phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là “đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc” có vai trò quan trọng. Điều này thể hiện ở các quan điểm, chủ trương của Đảng về bồi dưỡng, trọng dụng trí thức; đồng thời, thể hiện ở thế giới quan, mục tiêu, lý tưởng và con đường đi đến lý

tướng của Đảng và mỗi đảng viên để tương đối độc lập nhưng cũng hết sức có thể thu hút tầng lớp tinh hoa nhạy cảm này ■

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2016, tr.1310.

<sup>2</sup> Đặng Hữu: “Đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số tháng 7-2008, tr.18.

<sup>3</sup> Xem thêm: Nguyễn Văn Khánh (chủ biên): *Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2004; Ngô Huy Tiếp (chủ biên): *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với trí thức nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2008; Lê Văn Thắng, Nguyễn Văn Tuấn: *Trí thức Việt Nam với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019...

<sup>4</sup> *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2008, tr.81-82.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.275.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.399.

<sup>7</sup> Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.36, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, tr.773-774.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.484.

<sup>9</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.44, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.429.

<sup>10</sup> Dẫn theo: Hội Khoa học lịch sử Việt Nam & Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Bắc Giang: *Thân Nhân Trung - “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.8-9.

<sup>11, 12</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.56, 59.

<sup>13</sup> *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Sđd, tr.82.

<sup>14, 15</sup> *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.25, 217-218.

<sup>16</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.22, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.613-614.

<sup>17</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.473.



# VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

● TS NGUYỄN VĂN PHONG

*Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội*



*Hội thảo “Trí thức trẻ kiến định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ngày 25-3-2022 \_ Ảnh: hcma.vn*

**T**rong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội. Đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá

trí thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ (KH-CN), đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan

trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển...

Ở Việt Nam, quá trình phát triển cách mạng dân tộc gắn liền với sự phát triển của đội ngũ trí thức. Từ năm 1442, khi danh sĩ

Thân Nhân Trung được giao soạn bài văn bia cho bia tiến sĩ đầu tiên dựng tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã nêu bật tầm quan trọng của nhân tài với câu “Hiển tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước

mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn”. Điều đó có nghĩa, sự trường tồn của một quốc gia nằm ở chính tài năng của mỗi người trong quốc gia đó. Đây là những ý niệm rất rõ ràng về hiển tài, về giới trí thức. Trải qua lịch sử phát triển lâu dài, trí thức Việt Nam có những đóng góp quan trọng trong tất cả lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, quốc phòng, an ninh...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ năm 1930 đến nay,

trí thức Việt Nam luôn là một lực lượng của cách mạng, luôn xung kích đi đầu trên mặt trận KHCN và văn hoá. Trí thức Việt Nam không chỉ là lực lượng sản xuất trực tiếp mà còn

đảm nhiệm nhiệm vụ quan trọng là nghiên cứu, tổng kết, khám phá, truyền bá, trao truyền kinh nghiệm cho các thế hệ nối tiếp. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trí thức Việt Nam, bằng công sức và trí tuệ của

mình, cùng với khối liên minh công nông đã góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi, thu non sông về một mối, thống nhất đất nước. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là đổi mới đất nước, trí thức Việt Nam góp phần quan trọng trong tiến trình xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), góp phần thay đổi diện mạo xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Bước sang thế kỷ XXI, thế kỷ của KHCN, trước xu thế hội nhập

**Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ năm 1930 đến nay, trí thức Việt Nam luôn là một lực lượng của cách mạng, luôn xung kích đi đầu trên mặt trận KHCN và văn hóa.**

quốc tế toàn diện, trí thức Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng đặc biệt. Họ không chỉ là một lực lượng tiêu biểu cho nguồn trí tuệ của dân tộc, mà còn là một động lực trong sự nghiệp phát triển KT-XH, phát triển văn hóa, phát triển con người và tạo nguồn nhân lực có kiến thức. Mặt khác, trí thức còn là nhân tố quyết định đến sự phát triển nhanh chóng và bền vững của nước ta trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước.

### **1. Vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam**

Trong công cuộc dựng nước và giữ nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đội ngũ trí thức yêu nước và đưa ra những quan điểm có giá trị lý luận thực tiễn sâu sắc, là kim chỉ nam cho việc xây dựng đội ngũ trí thức hiện nay, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

#### **1.1. Trí thức - lực lượng đặc biệt quan trọng của cách mạng**

Ngay từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Người cho rằng: “Lực lượng chủ chốt của cách

mạng là công nhân và nông dân... Nhưng cách mạng cũng cần có lực lượng của *trí thức*”<sup>1</sup>. Luận điểm trên của Người đã khẳng định rõ vai trò quan trọng của trí thức trong sự nghiệp cách mạng, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Liên minh công nhân - nông dân - trí thức phải đề cao tinh thần đoàn kết, tạo thành một khối thống nhất, phát huy thế mạnh của từng chủ thể; từ đó, tạo thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phục vụ nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy tinh thần cách mạng và trái tim yêu nước nhiệt thành của đội ngũ trí thức Việt Nam, xác định chính trí thức sẽ là những người có khả năng giúp đưa những tư tưởng cách mạng thấm thấu vào quảng đại quần chúng nhân dân. Điều này giải thích lý do, sau khi về Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã tìm đến *Tâm tâm xã*, một tổ chức yêu nước và tiến bộ của những thanh niên trí thức tiểu tư sản Việt Nam để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và chuẩn bị lực lượng nòng cốt tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong *Chánh cương văn*

tất, Sách lược văn tất và Lời kêu gọi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930), Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ vai trò của trí thức đối với sự nghiệp cách mạng, từ đó Người căn dặn: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt...”<sup>2</sup>.

Khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra sáng kiến thành lập Mặt trận Việt Minh nhằm đoàn kết toàn thể quần chúng nhân dân, trong đó có đội ngũ trí thức, để thực hiện mục tiêu chung là đánh thực dân Pháp, đuổi phát xít Nhật giành lại độc lập cho đất nước. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, trong lúc này “lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, trong công cuộc hoàn thành dân chủ mới để tiến đến chủ nghĩa xã hội”<sup>3</sup>. Người xác định, trí thức chính là những người có tầm hiểu biết cao hơn so với mặt bằng chung của các tầng lớp, giai cấp khác của dân tộc; vì vậy, trong giai đoạn này, trí thức phải có trách nhiệm đối với việc “Khai dân trí, chấn dân khí”. Đó

là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn này, bởi Người coi “giặc đốt” cũng là bạn đồng hành của giặc ngoại xâm. Khi miền Bắc Việt Nam được giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tham dự và chỉ đạo nhiều đại hội, hội nghị của trí thức Việt Nam, chỉ ra vị trí, vai trò và những khả năng, cống hiến to lớn của đội ngũ trí thức cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

### **1.2. Trí thức - “vốn liếng” quý báu của dân tộc**

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn thêm nhiều”<sup>4</sup>. Người dẫn lại lời dạy của V.I.Lênin rằng: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới có thể thu thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”<sup>5</sup>; và chính Người, không chỉ thu thái những điều hiểu biết quý báu của “đời trước để lại”, mà còn bổ sung nhiều tư tưởng có giá trị

sâu sắc về xây dựng đội ngũ trí thức cho cách mạng Việt Nam.

Nhiều trí thức đã có những cống hiến vĩ đại cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, đã đóng góp, cống hiến không chỉ sức lực, trí lực, mà còn cả sinh mệnh của mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Nhờ đó, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tộc giành được thắng lợi to lớn trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng một chế độ mới tốt đẹp hơn.

Trong bài nói chuyện tại Lễ bế mạc Lớp chính huấn cán bộ trí thức năm 1953, Người nói: “Đảng, Chính phủ và nhân dân ta rất yêu quý trí thức. Yêu quý những trí thức gắn liền lý luận với thực hành, những trí thức thật lòng thật dạ phụng sự nhân dân, phụng sự kháng chiến. Yêu quý những trí thức đoàn kết thành một khối với nhân dân, những trí thức của nhân dân”<sup>6</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức đề cao vai trò của trí thức và luôn tìm

mọi cách phát huy tối đa sức mạnh của lực lượng này để đóng góp vào thành công chung sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Quan điểm của Người về vai trò và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức yêu nước đã có tác dụng to lớn trong việc động viên sức mạnh và trí tuệ toàn dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, giúp cho người trí thức hiểu rõ về vị trí và khả năng cách mạng của

họ, từ đó, sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc, cho nhân dân.

### ***1.3. Trí thức - lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước***

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn nhấn mạnh: “Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh CHH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên

tiến đậm đà bản sắc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững”<sup>7</sup>.

Thực tiễn đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua đã chứng minh rằng, muốn cách mạng thành công, đất nước phát triển nhanh và bền vững cần có đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Trong giai đoạn vừa qua, các kết quả nghiên cứu của trí thức khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần làm cơ sở khoa học xây dựng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới quản lý, phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), đảm bảo an ninh - quốc phòng; xác định rõ yêu cầu, nội dung, phương thức bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia gắn với những sự kiện đang diễn ra ở lãnh thổ, lãnh hải và vùng trời; xây dựng thế trận an ninh

nhân dân và nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới. Những thành tựu trong nghiên cứu, điều tra điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã góp phần tạo luận cứ cho việc xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển KT-XH. Ở một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học có khả năng tiếp cận trình độ hiện đại trên thế giới. Hoạt động của đội ngũ trí thức KH-CN Việt Nam ngày càng mở rộng và có những đóng góp tích cực, rất nhiều giáo sư người Việt đang công tác và giảng dạy tại các nước phát triển.

Việc ứng dụng công nghệ mới đã giúp chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tăng giá trị sản xuất, đưa nước ta vào nhóm các nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về gạo, cà phê, hạt tiêu, điều, cao su. Cụ thể, các tiến bộ KH-CN đã đóng góp khoảng 30 - 40% vào tăng trưởng nông nghiệp tùy theo từng lĩnh vực. Trong đó, quan trọng nhất là khâu chọn tạo giống mới đã thay thế được giống nhập ngoại, từ chỗ phải nhập khẩu 70% giống cây trồng, vật nuôi, hiện

nay chỉ còn nhập khẩu dưới 30%. Năm 2021, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia dẫn đầu về xuất khẩu nông, lâm, thủy sản với kim ngạch xuất khẩu đạt 48,6 tỷ USD, tăng 14,9% so với năm 2020, trong đó, có 6 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỷ USD; thặng dư thương mại toàn ngành 6,44 tỷ USD<sup>8</sup>.

Những kỹ sư Việt Nam đã thiết kế, chế tạo thành công nhiều chủng loại sản phẩm, thiết bị đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, thay thế nhập khẩu với giá thành cạnh tranh, góp phần tăng tỷ lệ nội địa hóa thiết bị, giảm nhập khẩu. Đội ngũ trí thức ở các viện nghiên cứu, tập đoàn, doanh nghiệp cơ khí chế tạo đã có đủ năng lực làm tổng thầu các công trình lớn hàng tỷ USD<sup>9</sup>.

Những thành tựu nổi bật trong y học đều xuất phát từ các kết quả nghiên cứu khoa học của đội ngũ trí thức, thúc đẩy sự phát triển ngành y tế, góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Vai trò và vị thế nền y tế Việt Nam ở một số lĩnh vực đã được nâng cao ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới như: ghép tạng, công

nghệ tế bào gốc, y học hạt nhân, nội soi can thiệp, điện quang can thiệp, hỗ trợ sinh sản, an toàn truyền máu, hồi sức cấp cứu, vắc xin và sinh phẩm.

Trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ, đội ngũ trí thức đã và đang tích cực tham gia bảo tồn gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa, văn minh của nhân loại. Văn học nghệ thuật đã tiếp tục phát triển, nỗ lực phản ánh chân thực cuộc sống, bước đầu tạo dựng nên một diện mạo mới của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại; đã có những hiện tượng thu hút công chúng, những tác phẩm lôi cuốn độc giả và ý kiến tranh luận của các nhà nghiên cứu phê bình...; các nhà văn Việt kiều, người Việt ở nước ngoài đã có nhiều tác phẩm được xuất bản tại Việt Nam<sup>10</sup>, bước đầu chứng tỏ sự hội nhập của bộ phận văn học người Việt ở nước ngoài vào đời sống văn học trong nước, thể hiện tinh thần hoà hợp dân tộc cũng như xu thế toàn cầu hoá, dân chủ hoá của văn học đương đại Việt Nam. Trong hơn 10 năm, Dự án “Công bố, phổ biến tài sản văn hóa văn nghệ dân

gian các dân tộc Việt Nam”<sup>11</sup>, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã xuất bản được 2.500 trong số gần 4.000 công trình đã nghiên cứu, sưu tầm về văn hóa, văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam; trong số 2.000 đơn vị được thụ hưởng thành quả của Dự án, có hơn 400 đơn vị là các đồn biên phòng, thư viện các huyện miền núi biên giới, hải đảo, các trường phổ thông dân tộc nội trú...

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt tham gia xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và tiến thẳng hiện đại trong một số lĩnh vực; trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự. *Trên lĩnh vực khoa học và nghệ thuật quân sự*, đội ngũ trí thức đã tập trung nghiên cứu dự báo đối tượng tác chiến; dự báo các hình thái chiến tranh và đối sách của ta; nghệ thuật tác chiến bảo vệ biển đảo, chống tiến công hỏa lực đường không; hoàn thiện lý luận về tổ chức xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh/thành phố; tổ chức xây dựng căn cứ hậu cần chiến lược; xây dựng tiềm lực quốc phòng cho các địa bàn trọng điểm. *Trong lĩnh*

*vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự* đã tập trung nghiên cứu, thiết kế chế tạo, cải tiến hiện đại hóa các loại vũ khí, khí tài, nâng cao uy lực, độ chính xác, khả năng cơ động, phù hợp với điều kiện môi trường và địa bàn tác chiến đặc thù. *Trong lĩnh vực y dược quân sự*, đã nghiên cứu và ứng dụng các cơ sở bảo đảm cho sẵn sàng chiến đấu, bơm tiêm tự tiêm, áo phao cá nhân, cáng gấp phục vụ bộ đội Trường Sa...; trong cấp cứu điều trị bỏng đã phát triển chuyên sâu có phần vượt trội hơn các bệnh viện dân y, tương đương với trình độ các nước có nền y học tiên tiến trong khu vực. *Đội ngũ trí thức công an nhân dân* đã tập trung nghiên cứu những vấn đề phức tạp và mới do thực tiễn đặt ra như: an ninh phi truyền thống, chiến tranh mạng, tội phạm phi truyền thống, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao. Các kết quả nghiên cứu góp phần phòng ngừa đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả âm mưu và hoạt động tội phạm, điển hình là: các bộ KIT dùng để giám định gen khẳng định tính chất pháp lý trong các vụ án; thiết bị kỹ thuật chèn phá sóng cục bộ cũng như trên diện rộng;



vô hiệu hóa các hoạt động khủng bố, kích nổ bằng sóng vô tuyến. Một số lĩnh vực khoa học hình sự như: giám định âm thanh, giám định AND đã đạt trình độ khu vực. Hệ thống thông tin tội phạm của Việt Nam đã kết nối Hệ thống toàn cầu của tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (IN-TERPOL), Hiệp hội cảnh sát các nước ASEAN (ASEANA-POL)<sup>12</sup>.

**2. Giải pháp phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức đã bổ sung những giá trị to lớn vào kho tàng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Những quan điểm của Người về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của người trí thức, đặc biệt là tư tưởng về tổ chức xây dựng một đội ngũ trí thức lớn mạnh tham gia khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức là sự đóng góp lớn vào lý luận về cách mạng vô sản.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra sâu rộng, đặc biệt là sự phát

triển của các cuộc cách mạng công nghiệp mới, đòi hỏi đội ngũ trí thức phải vừa có đức, vừa có tài, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta ngày càng quan tâm đến xây dựng đội ngũ trí thức,

**Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra sâu rộng, đặc biệt là sự phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp mới, đòi hỏi đội ngũ trí thức phải vừa có đức, vừa có tài, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.**

cũng như đánh giá cao vai trò của đội ngũ trí thức trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Hội nghị Trung ương 7 khóa X, “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CHH, HĐH đất nước”, đã đưa ra năm

nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay, cụ thể là: Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức; thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức; tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức; đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức; nâng cao chất lượng

công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức.

Đại hội XII của Đảng cũng đã khẳng định: “Xây dựng *đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”<sup>13</sup>.

Đại hội XIII của Đảng đặc biệt quan tâm đến xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút nhân tài. Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: “Xây dựng *đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do

sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà KHCN Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ KHCN đặc biệt quan trọng. Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, *đội ngũ trí thức*”<sup>14</sup>.

Trong giai đoạn vừa qua, các chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ban hành đã tạo ra những chuyển biến rất tích cực, góp phần tạo động lực cho sự phát triển của *đội ngũ trí thức*, để giới trí thức có thể đóng góp tốt hơn cho quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Thực tế cho thấy, *đội ngũ trí thức* Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, với tính năng động, sáng tạo ngày càng thể hiện rõ trong mỗi bước tiến triển đi lên của đất nước; như lời của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại phiên khai mạc Đại hội

XIII của Đảng khẳng định: “...Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay...”. Điều này được minh chứng qua việc chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam liên tục được cải thiện, nâng cao trong những năm qua.

Thực tế cho thấy, sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008, đội ngũ trí thức Việt Nam có bước phát triển lớn về quy mô, chất lượng và có mặt ở tất cả các lĩnh vực đời sống, KT-XH. Những năm qua, đội ngũ trí thức trực tiếp tham mưu, góp ý, phản biện vào những quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước. Trong xây dựng và hoàn thiện chủ trương, đường lối, chính sách, hoạch định các chiến lược phát triển KT-XH của Đảng và chính quyền các cấp từ Trung ương đến cơ sở đều có sự đóng góp tích cực của đội ngũ trí thức. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của đất nước, sự phát triển của đội ngũ trí thức Việt Nam còn gặp nhiều hạn chế. Việt Nam đang thiếu các nhà lãnh đạo quản lý tầm cỡ, các chuyên gia giỏi, các nhà khoa học thực sự tâm huyết với nghề, các công

chức trong bộ máy chính quyền các cấp tinh thông nghề nghiệp và đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao về đạo đức công vụ. Cơ chế, chính sách đãi ngộ dành cho đội ngũ trí thức còn dàn trải, chưa đúng trọng tâm, trọng điểm, mức lương và phụ cấp thấp, chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của cuộc sống hiện đại. Cơ chế tuyển dụng, đãi ngộ và thu hút nhân tài của Việt Nam còn nhiều hạn chế và bất cập. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ trí thức còn thiếu, chưa đồng bộ hoặc chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Các hạn chế nêu trên khiến những đóng góp của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển KT-XH của đất nước còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của con người Việt Nam, giá trị Việt Nam. Chúng ta đang rất cần các nhà trí thức lớn, các chuyên gia đầu ngành có thể đảm đương được các công trình, dự án có giá trị để đời. Ngoài ra, lực lượng trí thức nữ, trí thức làm việc ở vùng sâu, vùng xa; trí thức trong doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các viện nghiên cứu, các

trường đại học còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Một bộ phận trí thức Việt Nam còn bị bó hẹp về môi trường tự do sáng tạo, còn thụ động đối với các vấn đề phát triển mà đất nước yêu cầu phải giải quyết.

Trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới của thời kỳ CHH, HĐH đất nước, khi thế giới đang tiến hành các cuộc cách mạng công nghiệp mới, đội ngũ trí thức Việt Nam đóng vai trò động lực, đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH-CN, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ ở nhiều lĩnh vực. Để tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ này, phục vụ sự nghiệp đổi mới, trước hết là góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với định hướng năm 2030, tầm nhìn năm 2045 vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, chúng ta cần chú trọng một số nội dung, giải pháp chủ yếu sau:

**2.1. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức**, đẩy mạnh thể chế hóa về các cơ chế, chính sách để phát huy tốt năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức; nâng cao nhận thức chính trị và đề cao vai trò, trách nhiệm của đội

ngũ trí thức với đất nước. Thay đổi nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức đoàn thể các cấp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức trong phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước. Định kỳ tổ chức các cuộc tiếp xúc, làm việc với trí thức để lắng nghe ý kiến, đối thoại với trí thức về những vấn đề KT-XH quan trọng của địa phương, đơn vị. Tạo môi trường làm việc thực sự phát huy dân chủ và khuyến khích trí thức tự do sáng tạo trong nghiên cứu, sáng tác; công bằng trong học thuật, nghiên cứu, sáng tạo, trong triển khai ứng dụng khoa học...

**2.2. Sớm xây dựng, ban hành Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.** Trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”, xác định rõ nội hàm khái niệm “trí thức” trong tình hình mới; xây dựng các tiêu chí phân loại “trí thức” theo ngành, lĩnh vực để có các chính sách phù

hợp; coi việc xây dựng “trí thức” đầu ngành cấp bách và quan trọng như xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược của Đảng.

Xây dựng Chiến lược Quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức dựa trên yêu cầu của từng ngành, từng lĩnh vực, địa phương phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH của đất nước trong giai đoạn phát triển mới; chú trọng đến những ngành, lĩnh vực đang thiếu, mất cân đối, bất hợp lý về cơ cấu; ưu tiên phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số, trí thức nữ. Tiếp tục thực hiện tốt việc đưa cán bộ, công chức, nhà khoa học trẻ, sinh viên có đạo đức, triển vọng được giải thưởng quốc tế đi đào tạo ở nước ngoài.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ trí thức lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ trí thức đầu ngành trong lĩnh vực KHCN, giáo dục và đào tạo (GD & ĐT), văn hoá, văn nghệ; đội ngũ trí thức doanh nhân và trí thức trong lực lượng vũ trang.

### ***2.3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế trọng dụng trí thức, người hiền tài***

Tiếp tục hoàn thiện môi trường và tạo các điều kiện thuận lợi cho đội

ngũ trí thức cống hiến, sáng tạo, có sự quan tâm đặc biệt tới đội ngũ trí thức đang công tác ở miền núi, vùng có điều kiện khó khăn; xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động KHCN, GD&ĐT, văn hóa và văn nghệ; tôn trọng và phát huy tính tự chủ trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Đổi mới công tác đánh giá, xét duyệt các chức danh khoa học và các danh hiệu tôn vinh trí thức. Tạo điều kiện bình đẳng cho nữ trí thức trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học. Đổi mới công tác đánh giá và nâng mức thưởng đối với các danh hiệu cao quý, các giải thưởng Nhà nước dành cho trí thức.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc tổ chức diễn đàn khoa học chuyên nghiệp. Xây dựng cơ chế trao đổi, đối thoại và phản hồi ý kiến phản biện của trí thức; thực hiện tốt việc cung cấp thông tin giúp trí thức kịp thời nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của đất nước và địa phương.

Đẩy mạnh hợp lý hóa cơ cấu đội

ngũ trí thức, đặc biệt chú trọng đào tạo, tập trung phát triển đội ngũ trí thức làm công tác nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu và triển khai, đội ngũ trí thức hoạt động trong các doanh nghiệp, phát triển hệ thống doanh nghiệp KHCN để tạo động lực mạnh mẽ cho hoạt động đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức phục vụ chiến lược phát triển KT-XH, đáp ứng được yêu cầu của các cuộc CMCN mới.

Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, cập nhật, gắn lý thuyết với thực hành, hình thành tư duy độc lập, sáng tạo cho người học. Thực hiện tốt các biện pháp gắn đào tạo với nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội; gắn đào tạo đại học và sau đại học với nghiên cứu khoa học, với sản xuất kinh doanh; tăng cường vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định chất lượng đào tạo; đẩy mạnh phát triển các trường đại học theo mô hình các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới; phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đến

năm 2045 đạt trình độ quốc tế.

Xây dựng cơ chế đột phá trong phát hiện, trọng dụng và đãi ngộ trí thức tài năng, nhà khoa học trẻ; xóa bỏ tư duy coi trọng bằng cấp, thâm niên công tác. Xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng theo mức độ đóng góp và năng lực thực tiễn để trí thức thực sự yên tâm nghiên cứu, sáng tạo khoa học trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Xây dựng cơ chế đặc thù về đầu tư, đãi ngộ đối với trí thức theo nhiệm vụ và sản phẩm sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm đời sống của trí thức phải cao hơn mức chung của xã hội.

Thực hiện đúng và đầy đủ chủ trương phân cấp và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KHCN, các trường đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học trên cơ sở các tiêu chuẩn của Nhà nước; trong việc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm để đặt hàng chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ

quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

#### **2.4. Đẩy mạnh huy động và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức**

Huy động mạnh mẽ các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển đội ngũ trí thức, ưu tiên cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển về hạ tầng, môi trường làm việc phục vụ các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức. Tập trung nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ, chuyên gia đầu ngành.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, cơ chế tài chính nhằm khuyến khích và thu hút các nguồn lực xã hội; khuyến khích khu vực tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu KH-CN, văn hóa, văn nghệ, GD&ĐT... Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn.

Sớm đầu tư xây dựng các tổ hợp khoa học - sản xuất, các trung tâm

văn hóa hiện đại cho các vùng KT-XH của cả nước nhằm thúc đẩy nghiên cứu, hấp thụ, chuyển giao và truyền bá tri thức phục vụ phát triển đất nước.

#### **2.5. Nâng cao trách nhiệm và đóng góp của đội ngũ trí thức, kiện toàn hệ thống tổ chức của các hội trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới**

Tăng cường sinh hoạt tư tưởng đối với trí thức, đặc biệt là trí thức trẻ, sinh viên; nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm, phát huy vai trò tiên phong và dẫn dắt quần chúng của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo cơ hội để trí thức tự nguyện đi đầu trong việc truyền bá những tri thức tiến bộ trong cộng đồng, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ đó vào sản xuất và đời sống, góp phần thiết thực nâng cao dân trí. Có cơ chế, chính sách huy động trí thức, đặc biệt là trí thức đầu ngành, trực tiếp chăm lo và thực hiện việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ kế cận. Đổi mới nội dung học tập chính trị, tư tưởng với các hình thức phù hợp và đa dạng; tăng cường rèn luyện, phấn đấu, bồi đắp, phát huy những

phẩm chất tốt đẹp như lòng yêu nước, tính tích cực xã hội, tính nhân văn, đạo đức và lối sống lành mạnh nhằm nâng cao trách nhiệm của đội ngũ trí thức. Bản thân đội ngũ trí thức cần nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ và đạo đức nghề nghiệp. Không ngừng học hỏi, tìm tòi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, có chí khí và hoài bão, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khắc phục hiện tượng suy thoái tư tưởng chính trị trong một bộ phận trí thức hiện nay.

Đổi mới mạnh mẽ cơ cấu tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức thành viên Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật

Việt Nam... theo hướng tinh gọn, hiệu quả, không hành chính hóa.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả các hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức. Xây dựng các cơ chế, chính sách để các hội trí thức được thực hiện các dịch vụ công, cấp chứng chỉ hành nghề, giám sát các hoạt động nghề nghiệp.

Tạo cơ hội để trí thức tự nguyện đi đầu trong việc truyền bá những tri thức tiến bộ trong cộng đồng, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ đó vào sản xuất và đời sống, góp phần thiết thực nâng cao dân trí. Có cơ chế, chính sách huy động trí thức, đặc biệt là trí thức đầu ngành, trực tiếp chăm lo và thực hiện việc đào tạo đội ngũ kế cận ■

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.376.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.3.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.72.

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.275.



<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.357.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.297.

<sup>7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.80-81.

<sup>8</sup> Lực lượng sáng tác này thuộc nhiều lĩnh vực: Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa - tấm gương về học tập, hoạt động cách mạng và những đóng góp xuất sắc của ông với quê hương và cách mạng Việt Nam, đặc biệt là những đóng góp trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, khoa học - kỹ thuật quân sự, nghiên cứu khoa học và đào tạo đội ngũ cán bộ tri thức... Giáo sư Cao Huy Thuần từng dạy Đại học Huế trước năm 1975, sau đó nhiều năm là giáo sư Đại học Pháp. Ông đã cho in hàng chục tác phẩm về triết học, tôn giáo, đạo đức, văn học tại các nhà xuất bản trong nước. Cũng từ Pháp có các cây bút nữ Việt Linh, Thuận. Ở Đức có Nguyễn Văn Thọ, Hiền Bonnin Trần; Ba Lan có Trần Quốc Quân. Ở Na Uy có cây bút nữ cao tuổi Lê Tân Sitek. Từ thành phố Toronto ở Canada có sự góp mặt của Nguyễn Thu Hoài. Và từ Hoa Kỳ, nhiều nhà văn cũng đã giới thiệu tác phẩm của mình với bạn đọc trong nước: Nguyễn Mộng Giác, Phan Việt...

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, ngày 06/8/2008 về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH*, Hà Nội, 2008.

6. GS.TS. Tạ Ngọc Tấn, “*Đổi mới công tác vận động trí thức trong tình hình hiện nay*”, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/doi-moi-cong-tac-van-dong-tri-thuc-trong-tinh-hinh-hien-nay-p24727.html>.

# TÁC CHIẾN KHÔNG GIAN MẠNG TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA

● **Thiếu tướng, TS PHẠM VIỆT TRUNG**

*Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh 86*

**H**iện nay, không gian mạng vừa là môi trường làm việc, vừa là nơi con người có thể thực hiện các hành vi mang bản chất xã hội của mình, như: giao tiếp, sáng tạo, lao động, sản xuất, học tập, vui chơi giải trí,... góp phần quan trọng hình thành xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức của mỗi quốc gia. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thúc đẩy sự hình thành nhiều lĩnh vực mới, như: “Internet kết nối vạn vật”, “Nhà máy thông minh”, “Thành phố thông minh”, “Chính phủ điện tử”,... hoạt động trong môi trường không gian mạng, tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, mọi hệ thống sản xuất, quản lý và điều hành của các quốc gia và cả trên phạm vi toàn cầu. Trong lĩnh vực quân sự, quân đội nhiều nước trên thế giới đã xác định không gian mạng là môi

trường tác chiến thứ năm (sau các môi trường tác chiến trên bộ, trên không, trên biển và trong vũ trụ) và tác chiến không gian mạng trở thành hoạt động tác chiến quan trọng trong chiến tranh hiện đại; từ đó tổ chức, xây dựng lực lượng chuyên trách, nghiên cứu chiến thuật, đầu tư mua sắm vũ khí, trang bị tác chiến không gian mạng và thường trực, sẵn sàng tiến hành các hoạt động tác chiến không gian mạng nhằm bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và thực hiện các mục tiêu chính trị; kết hợp chiến tranh thông tin với chiến tranh không gian mạng để đối phó với các đối thủ tiềm tàng, diễn ra ngay cả trong thời bình và đặc biệt quyết liệt khi xảy ra chiến tranh, xung đột.

Đối với Việt Nam, sự phát triển của không gian mạng đang diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, tác

động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội. Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh nhất thế giới<sup>1</sup>. Việc sử dụng không gian mạng để tương tác trong sinh hoạt, học tập, lao động của người dân đã trở nên phổ biến và quen thuộc. Công nghệ thông tin và viễn thông trở thành nền tảng kinh tế - kỹ thuật hiện đại, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, không gian mạng được tạo lập trên cơ sở tích hợp hạ tầng thông tin liên lạc, các hệ thống thông tin chỉ huy, điều hành Quân đội, các hệ thống điều khiển vũ khí, trinh sát kỹ thuật điện tử,... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trên tất cả các môi trường tác chiến.

Tuy nhiên, không gian mạng đang đặt ra những nguy cơ, thách thức ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng không gian mạng để chống phá Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; kêu gọi, kích động biểu tình, gây mất ổn định về kinh tế,

chính trị, xã hội<sup>2</sup>. Nhiều lực lượng tác chiến không gian mạng của nước ngoài đang bí mật tấn công, kiểm soát hệ thống mạng để thu thập các thông tin tình báo, bí mật nhà nước, bí mật quân sự của ta<sup>3</sup>; sẵn sàng tiến công, xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc trên không gian mạng. Việt Nam luôn nằm trong nhóm các quốc gia bị tiến công mạng nhiều nhất thế giới, gây thiệt hại lớn về kinh tế<sup>4</sup>; nhiều chiến dịch tấn công mạng nhằm vào các cơ quan trọng yếu của Đảng, Nhà nước và các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia đã được phát hiện và xử lý. Năng lực tác chiến không gian mạng và phòng, chống chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng còn hạn chế. Ngoài ra, việc phát triển hạ tầng thông tin, kết nối số của quốc gia chưa rộng khắp, đồng bộ, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo nên việc quản lý, phát triển và làm chủ không gian mạng quốc gia gặp nhiều khó khăn. Trang thiết bị trong các hệ thống thông tin và nhiều sản phẩm, dịch vụ được sử dụng trên không gian mạng, như: hệ điều hành máy tính, mạng xã hội, thư điện tử,... phần lớn

có nguồn gốc nước ngoài dẫn đến sự lệ thuộc vào công nghệ của nước ngoài, tiềm ẩn nhiều nguy cơ bị chiếm quyền điều khiển, khiến chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian mạng không được bảo đảm và phát triển bền vững.

Trước tình hình đó, Nghị quyết số 29-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng được ban hành; Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng (Bộ Tư lệnh 86) thuộc Bộ Quốc phòng được thành lập nhằm xây dựng lực lượng tác chiến không gian mạng, đóng vai trò nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; phòng, chống chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng; là lực lượng quan trọng tham gia xây dựng không gian mạng rộng khắp, an toàn, lành mạnh, bảo vệ các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ an ninh mạng quốc gia và phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên không gian mạng.

Trong thời gian qua, lực lượng tác chiến không gian mạng đã phối hợp với các lực lượng liên quan tổ chức trinh sát, giám sát nắm chắc âm mưu,

thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động trên không gian mạng, dự báo chính xác, kịp thời các hoạt động trên mạng có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cả nước; tiến công vô hiệu hóa các kênh truyền thông, các tài khoản mạng xã hội, không để lan truyền rộng rãi, gây ảnh hưởng đến tâm lý người dân. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng thủ, bảo vệ an toàn cho hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng; bảo vệ an toàn cho các hệ thống thông tin của Đảng và Nhà nước; tham gia kiểm tra, phát hiện và hỗ trợ khắc phục hậu quả các cuộc tấn công mạng nhằm vào các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia (điện lực, hàng không,...); tổ chức diễn tập tác chiến không gian mạng trong khu vực phòng thủ; tham gia các cuộc diễn tập ứng cứu khác.

Trong thời gian tới, không gian mạng sẽ trở thành một trong những “chiến trường” quan trọng. Cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng sẽ diễn ra ngày càng gay gắt. Xu hướng hợp tác giữa một số chính phủ với các

tập đoàn công nghệ tư nhân, các tổ chức tin tặc trở thành phổ biến, làm gia tăng tính chất phức tạp trên không gian mạng. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra môi trường tiến hành các hoạt động tác chiến không gian mạng nhằm bảo vệ các hệ thống vũ khí, trang bị hiện đại, các hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, Quân đội và các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia; ngăn chặn, vô hiệu hóa các đòn tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, các hoạt động tác chiến không gian mạng và sẵn sàng tiến công đáp trả vào không gian mạng của đối phương. Bên cạnh đó, các nguy cơ tụt hậu về khoa học công nghệ nhất là công nghệ thông tin, an ninh mạng đặt ra nhiều thách thức đối với công cuộc xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, rộng khắp và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc trên không gian mạng.

Vì vậy, để hoàn thành tốt trọng trách được giao, Quân đội nói chung và lực lượng tác chiến không gian mạng nói riêng phải nỗ lực phấn đấu, phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân,

củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trên không gian mạng trong mọi tình huống; trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau:

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.*

Các cơ quan, đơn vị toàn quân tích cực học tập, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội về bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng. Trọng tâm là đường lối, quan điểm về sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; nắm chắc, nhận diện đúng âm mưu, thủ đoạn, phương thức hoạt động trên không gian mạng của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, từ đó nêu cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực và uy tín, bảo đảm lãnh đạo, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ

Tổ quốc trên không gian mạng; tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trên không gian mạng; nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi sử dụng không gian mạng để thực hiện “diễn biến hòa bình”, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, phương thức lãnh đạo, chỉ huy, quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.

Tăng cường quản lý báo điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên không gian mạng; xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy định trong giao tiếp, ứng xử lành mạnh, tin cậy, trong sáng, văn minh trên không gian mạng và xử lý các hành vi cung cấp các thông tin giả mạo, xuyên tạc, bịa đặt trên không gian mạng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các loại hình báo chí, phương tiện truyền thông trên không gian mạng để chủ động cung cấp, định hướng thông tin, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, luận

điều xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; bồi dưỡng, xây dựng niềm tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào Đảng, Nhà nước và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Đẩy mạnh rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Tập trung nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp lý quy định việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng nhằm xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế chính sách đặc thù cho hoạt động tác chiến không gian mạng và bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.

*Hai là, triển khai xây dựng phát triển không gian mạng quốc gia an toàn, lành mạnh, rộng khắp gắn với tăng cường tiềm lực và sức mạnh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng trong mọi tình huống.*



*Trung tâm Điều hành Bộ tư lệnh 86 nơi triển khai các giải pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin mạng \_ Ảnh: qdnd.vn*

Các cấp, ngành, lực lượng, địa phương cần đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đi đôi với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong công tác quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Tập trung phát triển hạ tầng thông tin, kết nối số của quốc gia hiện đại, đồng bộ, an toàn, an ninh mạng và liên thông từ Trung ương đến địa phương, ưu tiên phát triển tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đẩy mạnh triển khai

Chính phủ điện tử từ Trung ương đến địa phương; xây dựng và đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia của tất cả các ngành, bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và làm chủ công nghệ mới; tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, phát triển, sản xuất các sản phẩm của Việt Nam trên không gian mạng, tiến tới bảo đảm đủ

năng lực bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng và làm chủ không gian mạng. Ưu tiên nghiên cứu, phát triển các hệ sinh thái số Việt Nam, tập trung vào nhóm sản phẩm, dịch vụ về mạng xã hội, tìm kiếm thông tin, trình duyệt, hệ điều hành và phần mềm phòng, chống mã và dịch vụ hấp dẫn, lành mạnh về thông tin và giải trí trên không gian mạng.

Tổ chức quy hoạch, bố trí và xây dựng các khu vực phòng thủ trên không gian mạng. Tăng cường phối hợp giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác kiểm soát, quản lý và tổ chức bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin, dịch vụ trên không gian mạng; tập trung triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy, điều hành của Đảng, Nhà nước và các cơ sở hạ tầng thông tin quan trọng của đất nước.

*Ba là, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên không gian mạng vững mạnh cả về tiềm lực, lực lượng và thể trận trên không gian mạng đáp ứng*

*nhệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.*

Tập trung triển khai xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin quân sự, quốc phòng đồng bộ, hiện đại, có tính độc lập đáp ứng hoạt động quân sự, quốc phòng. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong chỉ huy, điều hành, quản lý bộ đội; các hệ thống tự động hóa chỉ huy và điều khiển vũ khí, trang thiết bị, góp phần hiện đại hóa Quân đội; xây dựng và phát triển các hệ sinh thái số trên không gian mạng máy tính quân sự nhằm xây dựng, phát triển nhiều dịch vụ hấp dẫn, lành mạnh về thông tin và giải trí trên môi trường mạng quân sự, quốc phòng. Tăng cường phát triển, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ và tiến tới tự sản xuất các vũ khí, trang bị, phương tiện phục vụ chỉ huy, chỉ đạo tác chiến và xử lý các tình huống trên không gian mạng; bảo vệ hệ thống thông tin quân sự, quốc phòng, hệ thống tự động hóa chỉ huy và điều



khiến vũ khí. Tập trung nghiên cứu, phát triển khoa học nghệ thuật quân sự về tác chiến không gian mạng, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng. Tham gia nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ viễn thông, internet, công nghệ thông tin và các sản phẩm, dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

Tổ chức xây dựng lực lượng tác chiến không gian mạng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại với phương châm “trung thành, kỷ luật, trí tuệ, hiệu quả”, làm nòng cốt, chuyên trách trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Quân đội. Tập trung kiện toàn tổ chức, biên chế của Bộ Tư lệnh 86 và lực lượng tác chiến không gian mạng, công nghệ thông tin trong toàn quân theo hướng tinh, gọn, mạnh, linh hoạt, hoạt động hiệu quả, có cơ cấu tổ chức hợp lý; đầu tư, xây dựng doanh trại, cơ sở hạ tầng và trang bị, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại cho Bộ Tư lệnh 86 và lực lượng tác chiến không gian mạng. Đầu tư, xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật phục

vụ huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu, xây dựng mở các chuyên ngành đào tạo tại một số học viện, nhà trường trong Quân đội và xây dựng trường đào tạo chuyên ngành riêng về chỉ huy, tham mưu và nghiệp vụ về tác chiến không gian mạng. Tổ chức xây dựng, hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu huấn luyện và thường xuyên, định kỳ tổ chức huấn luyện, đào tạo cơ bản, đồng bộ, chuyên sâu.

Chú trọng xây dựng, phát triển lực lượng cộng tác viên cho hoạt động tác chiến không gian mạng và bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng có quy mô, hình thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trong thế trận chiến tranh nhân dân trên không gian mạng. Nghiên cứu và xây dựng các phương án sẵn sàng huy động phương tiện, nhân lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, an toàn thông tin, an ninh thông tin và các lĩnh vực có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ tác chiến bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; kết hợp sức mạnh phương thức tác chiến không gian mạng với các phương thức tác chiến truyền thống của các quân, binh chủng; tổ chức tác chiến không gian mạng trong đội hình tác chiến chiến lược, chiến dịch, chiến thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam và dân quân tự vệ; kết hợp tiến công hỏa lực với tiến công qua không gian mạng; kết hợp trinh sát không gian mạng với tình báo mạng; kết hợp tiến công chủ lực với tiến công du kích trên không gian mạng; kết hợp đấu tranh không gian mạng với đấu tranh ngoại giao.

*Bốn là, nâng cao hiệu quả trong công tác đối ngoại quốc phòng và hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin, an ninh mạng, phòng chống chiến tranh không gian mạng và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.*

Tạo môi trường hòa bình trong giải quyết các vấn đề về an ninh mạng, chiến tranh không gian mạng và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; tiếp cận các công nghệ, kỹ thuật mới trên không gian mạng trong công tác đối ngoại quốc phòng và hợp tác quốc

tế. Chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu, xây dựng các công ước, thỏa thuận quốc tế về không gian mạng và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian mạng phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; thúc đẩy nghiên cứu, đàm phán và gia nhập các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về không gian mạng, an ninh mạng và phòng, chống chiến tranh không gian mạng. Tăng cường hợp tác trao đổi, chia sẻ thông tin; xây dựng chính sách và tổ chức lực lượng; đào tạo, huấn luyện nguồn nhân lực; nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học công nghệ về tác chiến không gian mạng và công nghệ thông tin, an ninh mạng. Tích cực tham gia các cuộc diễn tập quốc tế về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, phòng, chống chiến tranh không gian mạng và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế và các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới; thu hút đầu tư, tài trợ quốc tế trong việc xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, rộng khắp và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian mạng ■

<sup>1</sup> Tính đến tháng 01/2022, Việt Nam có khoảng 72.1 triệu người sử dụng internet- chiếm 73.2% dân số; 76.95 triệu tài khoản mạng xã hội hoạt động - chiếm 78.1% dân số. Các nền tảng mạng xã hội được sử dụng nhiều nhất: mạng xã hội Facebook với hơn 70.4 triệu người sử dụng. Việt Nam đã trở thành nước đứng thứ 14 trên thế giới về số lượng người sử dụng internet và nằm trong nhóm 7 nước có số lượng người sử dụng nhiều nhất thế giới.

<sup>2</sup> Hiện nay, thường xuyên có khoảng trên 3.000 trang mạng, blog, gần 500 trang facebook fanpage; 30 trang youtube và gần 10.000 tài khoản mạng xã hội facebook; trong đó, xuất hiện nhiều hội, nhóm, tổ chức khủng bố (như Việt Tân, Đài Á Châu Tự Do, Chân trời mới media...) hay các hội nhóm, tổ chức xã hội dân sự, trang mạng có số lượng thành viên rất lớn, có hội nhóm lên tới hàng triệu thành viên đang thực hiện các hoạt động đưa thông tin sai lệch, truyền bá quan điểm phản động, xuyên tạc, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, truyền bá các tư tưởng sai trái, thù địch, thúc đẩy tự diễn biến, tự chuyển hóa, nhằm phi chính trị hóa Quân đội và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện chiến tranh thông tin, chiến tranh phi quy ước tiến tới lật đổ chế độ và Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hàng ngày trên không gian mạng có khoảng 20.000 tin bài liên quan đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự - an toàn xã hội; trong đó thông tin tích cực vẫn chiếm ưu thế chủ đạo, thông tin tiêu cực dưới 1%.

<sup>3</sup> Năm 2021, các cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 30 vụ lộ, mất bí mật Nhà nước, với tổng số 202 đầu tài liệu. Cùng với đó tình trạng thu thập, xâm phạm trái phép dữ liệu của tổ chức, cá nhân để rao bán diễn ra phổ biến, đáng báo động.

<sup>4</sup> Năm 2021, theo báo cáo của Công ty an ninh mạng Bkav, thiệt hại do vi-rút máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam lên tới 24,4 nghìn tỷ đồng (năm 2020 là 23,9 nghìn tỷ đồng); các cơ quan chức năng đã phát hiện có hơn 8 triệu cảnh báo tấn công mạng với 2.763 cuộc tấn công nhằm vào trang, cổng thông tin điện tử trong nước (tăng 26% so với năm 2020); Xu hướng các cuộc tấn công mạng tập trung chủ yếu nhằm vào hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng mạng của các cơ quan trọng yếu của Đảng, Nhà nước và các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia (điện lực, dầu khí, ngân hàng...).

# QUÂN ĐỘI VỚI NHIỆM VỤ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

● Trung tướng NGUYỄN VĂN BÔNG

*Chính ủy Quân chủng Hải quân*

**B**iển, đảo nước ta luôn đóng vai trò chiến lược, đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Biển Đông là khu vực rất nhạy cảm, là tâm điểm tranh giành quyền lực và tầm ảnh hưởng của các quốc gia trong và ngoài khu vực, đặc biệt là các nước lớn. Do đó, đối với nước ta, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và đấu tranh giải quyết các tranh chấp trên biển là nhiệm vụ hết sức khó khăn, gian khổ, phức tạp và lâu dài. Chính từ đặc điểm này mà các thế lực thù địch, cơ hội chính trị luôn triệt để lợi dụng vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo để tuyên truyền xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội ta.

Chúng ta không khó để nhận ra những âm mưu, thủ đoạn, nội dung, phương thức tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Điển hình là các tổ chức khủng bố, phản động như “Việt Tân”, “Đảng Dân chủ nhân dân”, “Đảng Vì dân”, “Chính phủ Quốc gia Việt Nam lâm thời”... Chúng công khai thể hiện các quan điểm sai trái, thù địch dưới dạng thông tin phản khoa học, sai sự thật, mang đậm ý chí chủ quan, bóp méo sự thật trên mọi phương diện nhằm xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng và phủ nhận thành quả của Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân ta trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Nội dung những quan

điểm sai trái mà chúng thường đưa ra tập trung vào ba nhóm vấn đề sau:

*Một là*, chúng tập trung xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo và giải quyết các tranh chấp trên biển. Chúng cho rằng, Việt Nam thiếu nhất quán trong đường lối bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ; rằng không nên “hô hoán” chống “diễn biến hòa bình”, nếu muốn bảo vệ được sự toàn vẹn lãnh thổ phải tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia phương Tây; không thể vừa giương cao ngọn cờ “lòng tin chiến lược”, vừa hô hoán chống “diễn biến hòa bình”...; từ đó lôi kéo, kích động nhân dân, tạo nên lực lượng đối lập ở trong nước dưới danh nghĩa “đấu tranh” bảo vệ chủ quyền biển, đảo hòng gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chúng quy chụp lãnh đạo cấp cao của Việt Nam “phản ứng chậm” hoặc “hèn nhát”, “né tránh”, “đang tâm để chủ quyền lãnh thổ quốc gia bị đe dọa”... Mưu đồ của những luận điệu này là khiến nhân dân mất niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước đối với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

*Hai là*, chúng lợi dụng vào những diễn biến tình hình trên Biển Đông để xuyên tạc, kích động. Nhất là, chúng lợi dụng việc Việt Nam giải quyết những tranh chấp về chủ quyền biển, đảo với một số nước ở Biển Đông để chia rẽ quan hệ đối ngoại của nước ta với các nước. Ý đồ thâm hiểm của chúng là làm cho nước ta rơi vào tình trạng đối đầu, mắc kẹt, cô lập với các nước trong khu vực. Chúng triệt để khai thác các sự việc ngư dân Việt Nam bị lực lượng chức năng nước ngoài bắt vì xâm phạm ngư trường (như Trung Quốc, Indonesia, Malaysia...) để tung tin rằng chúng ta bỏ mặc ngư dân trong vòng lao lý, không có biện pháp bảo hộ ngư dân của mình. Thậm chí, từ những sự kiện không hề liên quan đến chủ quyền Biển Đông như các cuộc gặp, hội đàm giữa quan chức Trung Quốc với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á cũng được chúng khai thác, xào xào rồi lu loa rằng Việt Nam đang bị cô lập, bị cho ra rìa trong cuộc giải quyết tranh chấp Biển Đông. Chúng lợi dụng các vấn đề nhạy cảm xảy ra trên Biển Đông để kích động biểu tình, bạo loạn, gây mất an ninh, trật tự xã hội...

Ba là, chúng xuyên tạc, phủ nhận sức mạnh, vai trò của Quân đội và Hải quân nhân dân Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Trước những hành động vi phạm chủ quyền biển, đảo của một số quốc gia đối với nước ta, các thế lực thù địch vẫn rêu rao rằng “Khi đối đầu với Trung Quốc trên Biển Đông, tại các vùng tranh chấp, Quân đội Việt Nam không dám nổ súng, để mặc Trung Quốc muốn làm gì thì làm...”, chúng cho rằng Hải quân Việt Nam “hèn yếu”, “nhu nhược”, “Hải

quân bám bờ, ngư dân bám biển”, hoặc có quan điểm cho rằng “Bộ đội Hải quân không hoàn thành nhiệm vụ, bỏ mặc ngư dân cho các lực lượng chấp pháp Trung Quốc xua đuổi, hành hung”...; Chúng còn lợi dụng một số sai sót của cán bộ, chiến sĩ để cắt ghép, xào xáo, tuyên truyền nhằm làm mờ đi hình ảnh của Quân đội, trong đó có lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam, làm cho nhân dân hoài nghi, thậm chí mất niềm tin vào sức mạnh, khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Quân đội.



Đối tượng được các thế lực thù địch hướng đến để tuyên truyền là các tầng lớp nhân dân, nhưng trọng tâm là những người ít thông tin, trình độ nhận thức thấp, bộ phận giới trẻ thiếu kinh nghiệm sống, một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện tha hóa, biến chất.

Về phương thức, thủ đoạn, ngoài việc sử dụng các thủ đoạn truyền thống (như tổ chức các sự kiện, gặp mặt, hội thảo để tuyên truyền trực tiếp; tuyên truyền trên các báo đài phản động ở nước ngoài...), thì hiện

nay chúng đang triệt để sử dụng internet, mạng xã hội để tuyên truyền xuyên tạc. Chúng thường lợi dụng những “điểm nóng” trên Biển Đông để bóp méo, bịa đặt, xuyên tạc quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Các sự kiện như: Tàu Viking 02 (6/2011), Bình Minh 02 (5/2012) của Việt Nam bị cắt cáp; giàn khoan Hải Dương 981 xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam (2014); nhóm tàu Hải Dương địa chất 8 thăm dò trái phép trong vùng đặc



quyền kinh tế và thêm lục địa phía Nam của Việt Nam (2019)... đã được một số đối tượng triệt để lợi dụng để xuyên tạc chủ trương, chính sách và các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Đảng, Nhà nước Việt Nam, gây chia rẽ, bất ổn trong nước. Đó là những luận điệu xuyên tạc sự thật, cố tình kích động gây căng thẳng tình hình với mục đích đẩy chúng ta vào cuộc đối đầu quân sự có thể dẫn đến hậu quả khó lường.

Diễn hình như sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 năm 2014 là một ví dụ, trong lúc cả nước đang sôi sục khí thế, đoàn kết trong tình yêu biển đảo, yêu quê hương đất nước, trên thực địa lực lượng của ta đang căng mình để đấu tranh; thì ở đất liền các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân chống đối tự xưng là “tổ chức dân sự” ở Việt Nam viết những bài có lời lẽ kích động chiến tranh, kích động thù hằn dân tộc, cho rằng “Việt Nam nhân nhượng, lùi bước trước Trung Quốc”, thậm chí còn vu cáo ta “bán biển, đảo cho Trung Quốc”; “Hải quân trang bị hiện đại nhưng sợ không dám đương đầu với Hải quân Trung Quốc” và kích động ta sử dụng bạo lực vũ trang và

âm mưu trà trộn vào các đoàn biểu tình, tổ chức kêu gọi trả tự do cho các đối tượng tù nhân chính trị đang thụ án trong các trại giam...; thậm chí lôi kéo, tụ tập đông người gây rối, đập phá nhà xưởng, máy móc của các công ty nước ngoài đang làm ăn ở nước ta, gây thiệt hại về kinh tế, gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tác động tiêu cực tới nhận thức, tư tưởng của nhân dân.

Có thể nhận thấy, vấn đề Biển Đông và bảo vệ chủ quyền biển, đảo đã trở thành “miếng mồi béo bở” để các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lợi dụng để xuyên tạc, chống phá ta. Tuyên truyền để bóc trần, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch kiểu này chính là hành động thiết thực và cấp bách hiện nay, trực tiếp góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Quân đội ta là lực lượng chính trị của Đảng, lực lượng nòng cốt trong bảo vệ Tổ quốc, trong đó có bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Trong những năm qua, Quân đội luôn là một trong những lực lượng đi tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền và



đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đặc biệt, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã chỉ đạo Quân chủng Hải quân và các đơn vị trong toàn quân đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về biển, đảo cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, Quân chủng Hải quân là đơn vị đi đầu trong công tác phối hợp tuyên truyền biển, đảo cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Đến nay, Quân chủng đã tổ chức ký kết chương trình phối hợp tuyên truyền biển, đảo với 63 tỉnh, thành phố, 16 cơ quan Trung ương; trung bình hàng năm cử hàng trăm lượt báo cáo viên đến các địa bàn trực tiếp tuyên truyền cho hàng nghìn lượt cán bộ và nhân dân; chỉ tính 5 năm gần đây (2017 - 2022), Quân chủng đã cử hơn 1.500 lượt báo cáo viên đến tuyên truyền cho trên 3.000.000 lượt cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thông qua đó giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ tính chất phức tạp, quyết liệt, lâu dài của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; nâng cao nhận thức, trách

nhiệm, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; chia sẻ với những khó khăn, gian khổ của lực lượng làm nhiệm vụ trên tuyến đầu của Tổ quốc; có thái độ phân biệt đúng, sai, không dao động trước những tác động tiêu cực, sự kích động, chống phá của các thế lực thù địch. Khi có những vụ việc phức tạp, nhạy cảm liên quan đến biển đảo, Quân chủng đã chủ động nắm bắt các nguồn thông tin định hướng của trên, khai thác có hiệu quả các nguồn thông tin (chủ yếu trên thực địa) để xây dựng các chuyên đề tuyên truyền, đấu tranh phù hợp với từng đối tượng.

Đặc biệt, để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội, chấp hành Chỉ thị số 47 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, từ năm 2016 đến nay, Quân chủng Hải quân đã tổ chức và phát huy tốt vai trò của Lực lượng 47. Lực lượng 47 của Quân chủng đã thiết lập trang “Phượng hồng đất cảng” và “Tổ quốc nơi đầu sóng”, duy trì đều biên độ hoạt động, bảo đảm ổn định, đạt số lượng tương tác cao, có nhiều bài viết đấu tranh chuyên sâu, xếp top 10 trang tốt

nhất của toàn quân. Các đơn vị của Quân chủng thiết lập các trang fanpage của đơn vị, xây dựng video clip, thiết kế poster tuyên truyền trên không gian mạng, tạo lập kênh youtube gắn kết với trang fanpage, lập website của đơn vị thu hút số lượng lớn cộng đồng mạng theo dõi, chia sẻ, bình luận, tạo hiệu ứng tích cực.

Có thể khẳng định, với các biện pháp tổng thể tuyên truyền và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Quân đội đã góp phần nâng cao nhận thức cho bộ đội và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của biển, đảo, ý thức giữ gìn, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển, đảo của Tổ quốc, tạo ra phong trào thi đua trong bộ đội và nhân dân hướng về biển, đảo; trực tiếp nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi cán bộ, chiến sĩ và từng cơ quan, đơn vị trước sự chống phá của các thế lực thù địch, nâng cao khả năng “tự miễn dịch” trước tác động tiêu cực, góp phần giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong Quân đội.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ chủ quyền biển,

đảo Việt Nam của Quân đội còn một số hạn chế đó là: nhận thức ở một bộ phận cấp ủy, chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ về tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, khả năng phân tích, nhận định tình hình, định hướng nhận thức, hành động cho bộ đội và nhân dân của một số cấp ủy, chỉ huy, nhất là cấp cơ sở có lúc chưa kịp thời, còn thụ động, thiếu sắc bén (đặc biệt là trước các sự kiện lớn, những vấn đề phức tạp nảy sinh trên biển); việc bảo vệ thông tin nội bộ của nhiều tổ chức và cá nhân còn sơ hở; trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật còn thiếu, nên gặp nhiều khó khăn trong phát hiện, thu thập chứng cứ và thực hiện công tác phòng ngừa, đấu tranh.

Đảng ta xác định đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thực chất là cuộc đấu tranh giữa hai ý thức hệ, mang tính lâu dài, phức tạp. Trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, thời gian tới các thế lực thù địch, phản động sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền các luận điệu xuyên tạc về tình hình Biển Đông và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt

Nam với những phương thức, thủ đoạn táo bạo, tinh vi hơn. Vì vậy, để tiếp tục nâng cao hiệu quả tuyên truyền và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Quân đội cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

*Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về tình hình Biển Đông và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*

Đây là giải pháp cơ bản có ý nghĩa quyết định, bởi có nhận thức đúng mới có ý thức bảo vệ và cảnh giác, đề phòng, giúp cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tăng cường “sức đề kháng”, có “miễn dịch” trước những thông tin có nội dung xấu độc.

Do đó, cần tập trung tuyên truyền cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân nhận rõ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của biển, đảo Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; cơ sở pháp lý và lịch sử khẳng định chủ quyền; đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về bảo

vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và chủ trương nhất quán kiên quyết, kiên trì đấu tranh giải quyết tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); không gây căng thẳng, phản ứng quá mức, không mắc mưu khiêu khích, rơi vào thế đối đầu, bị cô lập, bị lôi cuốn vào cạnh tranh chiến lược, xung đột vũ trang; không mơ hồ, mất cảnh giác, né tránh, nhân nhượng vô nguyên tắc; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, nhưng sẵn sàng sử dụng lực lượng quân sự để tự vệ chính đáng, xử trí thắng lợi các tình huống.

Tuyên truyền, định hướng cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân cảnh giác, nhận diện đâu là thông tin chính thống, đâu là thông tin bịa đặt, các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch; nhận thức rõ bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ thường xuyên, trọng yếu, là vấn đề mang tính cấp bách hiện nay, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi người dân, từ đó hướng tới thống nhất nhận thức, tư tưởng, ý chí và hành động “kiên quyết,

kiên trì đấu tranh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”<sup>1</sup>.

*Thứ hai, phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng, cấp ủy, chỉ huy các cấp, người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức quần chúng trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch*

Tập trung xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05 - CT/TW của Bộ Chính trị, Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; phát huy tốt vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu đủ khả năng “tự đề kháng”, đủ trình độ nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái.

Xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý thông tin, báo chí, xuất bản, cơ chế cung cấp thông tin, kỷ luật phát ngôn, phân rõ trách nhiệm của các tổ chức có liên quan. Tổ chức nghiên cứu, nắm chắc tình hình, nhất là tình hình an

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đóng quân, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, kịp thời triển khai các biện pháp phòng ngừa, cung cấp thông tin, “chỉ thị mục tiêu” và định hướng để đấu tranh kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ tình hình chính trị nội bộ, bảo mật thông tin, không để lộ, lọt bí mật Nhà nước, bí mật quân sự; kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; phát hiện, ngăn chặn kịp thời các tài liệu phản động, văn hóa phẩm xấu độc thâm nhập vào nội bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng internet, mạng xã hội của cán bộ, chiến sĩ theo đúng pháp luật, kỷ luật và các quy định của Nhà nước, Quân đội.

*Thứ ba, tổ chức, bồi dưỡng và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt trong phát hiện, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc*

Trong đó cần chú trọng kiện toàn và đẩy mạnh hoạt động của Ban Chỉ đạo

35, Lực lượng 47, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí và lực lượng tác chiến trên không gian mạng... Thực hiện tốt cơ chế, quy chế phối hợp giữa các lực lượng. Xây dựng Lực lượng 47 trong mặt trận đấu tranh chung, đồng bộ, thống nhất, sẵn sàng “phản ứng nhanh” với những thông tin sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Tăng cường bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết cho đấu tranh, chú trọng các lực lượng và tổ chức trực tiếp, trực diện đấu tranh. Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhất là Lực lượng 47 học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, khả năng tiếp cận, khai thác mạng xã hội và trình độ đấu tranh, biết đấu tranh, biết phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

*Thứ tư, tăng cường công tác đảm bảo an ninh mạng, có biện pháp quản lý đối với các tài khoản mạng xã hội của cán bộ, chiến sĩ*

Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, nắm tình hình hành vi lợi dụng internet, mạng xã hội để tuyên truyền xuyên tạc về tình hình Biển Đông và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Tăng cường xử lý các đối tượng đăng tải, chia sẻ các bài viết, video, hình ảnh có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề chủ quyền biển, đảo. Thiết lập các trang mạng, tài khoản chính thống để huy động cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trên internet và mạng xã hội để tạo thành thế trận liên hoàn, sức mạnh tổng lực.

*Thứ năm, tổ chức cho các đoàn dân chính đảng và kiều bào ta ở nước ngoài thăm quân dân huyện đảo Trường Sa, nhà giàn DK1 và các vùng biển đảo khác của Tổ quốc*

Thông qua các chuyến đi, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm về biển, đảo, khẳng định chủ quyền của Tổ quốc ta, thúc đẩy giao lưu, triển khai các hoạt động, làm cho Trường Sa, nhà giàn DK1 gần hơn với đất liền; qua đó giúp các đại biểu nắm bắt tình hình

thực tiễn, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các giải pháp phát triển kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; đẩy mạnh bồi dưỡng tình cảm, niềm tin vững chắc vào sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của quân và dân ta. Đây có thể coi là một cách thức để tuyên truyền, đấu tranh với các thế lực thù địch, phản động về chủ quyền biển, đảo, nhất là tác động trực tiếp tới kiều bào ta ở nước ngoài.

*Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại quốc phòng*

Tích cực tham gia vào các hội nghị, hội thảo về biên giới lãnh thổ do Bộ Ngoại giao chủ trì, nhằm tuyên truyền, cung cấp thông tin, cơ sở pháp lý về Biển Đông; góp phần đấu tranh, bác bỏ các luận điệu xuyên tạc sai sự thật về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Mỗi tác đảo, mỗi dải biển là một phần máu thịt thiêng liêng của Tổ

quốc. Những diễn biến phức tạp của tình hình trên Biển Đông hiện nay luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột, mất ổn định, đe dọa đến chủ quyền biển, đảo của nước ta. Các thế lực thù địch luôn triệt để lợi dụng tình hình trên để xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội ta. Cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc ngày càng cam go, quyết liệt. Vì thế, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Tổ quốc là một trong những yêu cầu, nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết đối với toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta, trong đó Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng đi đầu nhằm làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ■

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.157.

# VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

● PGS, TS VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*



*Hội Gióng \_ Ảnh: dangcongsan.vn*

**Đ**ể hoàn thành chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đòi hỏi phải có sự tham gia của tất cả các chủ thể, các tầng lớp trong xã hội nhưng trong đó, đội ngũ trí thức đóng một vai trò hết sức quan trọng. Các văn kiện của Đảng trong

thời kỳ đổi mới đều nhất quán khẳng định vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng nền văn hóa dân tộc. “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”.

## 1. Xây dựng hệ thống lý luận về văn hóa và phát triển văn hóa dân tộc

Lý luận là một hệ thống các quan điểm phản ánh thực tiễn, được thể hiện dưới dạng hệ thống những tri thức đã được khái quát, tạo ra những quan niệm tương đối hoàn chỉnh về các mối liên hệ cơ bản và các quy luật của hiện thực khách quan. Hay nói cách khác, lý luận là hệ thống những tri thức được khái quát từ kinh nghiệm thực tiễn có tác dụng chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Lý luận về văn hóa là hệ thống tri thức đặc thù của lĩnh vực văn hóa. Để nền văn hóa dân tộc vận động và phát triển một cách toàn diện cả bề rộng và chiều sâu, đáp ứng được các yêu cầu của thời đại, của đất nước thì cần phải xây dựng được hệ thống lý luận văn hóa tiên tiến. Và việc xây dựng hệ thống lý luận về văn hóa và phát triển chính là nhiệm vụ của đội ngũ trí thức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Trong ý nghĩa “soi đường” của văn hóa, ngoài việc khẳng định vai trò dẫn đường của những giá trị tốt đẹp, hoàn thiện phẩm giá của con người và xã hội loài người, còn có cả

vai trò định hướng của một hệ thống lý luận văn hóa nhân văn, vì con người. Kể từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã rất chăm lo đến việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng hệ thống lý luận văn hóa và đường lối văn hóa. Đội ngũ trí thức có nhiệm vụ tìm tòi, phát hiện, xây dựng hệ thống quan niệm, khái niệm, quy luật, phạm trù, tính chất của nền văn hóa dân tộc, khái quát thực tiễn phát triển văn hóa dân tộc đúc rút thành hệ thống lý luận về văn hóa và phát triển. Nhưng bên cạnh đó, đội ngũ trí thức cũng có một nhiệm vụ rất quan trọng là đấu tranh chống lại các phản văn hóa, phản giá trị.

Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 có mục “Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mácxít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mácxít Việt Nam” trong đó khẳng định những nhà văn hóa phải dùng vũ khí lý luận để chống lại thứ văn hóa phản tiến bộ, phát huy trí tuệ xây dựng nền văn hóa mới dân chủ với những công việc cơ bản cần phải thực hiện như: tranh đấu về học thuyết, tư tưởng; tranh đấu về tông



phái văn nghệ; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết<sup>1</sup>.

Như vậy, ngay từ những ngày đầu cách mạng, Đảng ta đã xác định rất rõ nhiệm vụ của đội ngũ trí thức đối với việc xây dựng hệ thống lý luận về văn hóa, đó là không ngừng nghiên cứu để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, phản tiến bộ, xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa cũng như chống lại nền văn hóa dân tộc. Những cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa thời kỳ này đã phản ánh vai trò và trách nhiệm của đội ngũ trí thức trên mặt trận tư tưởng, lý luận.

Ngay những ngày đầu thời kỳ đổi mới, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã có nhiều cuộc đối thoại với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Đảng cũng tiếp nhận những kết quả nghiên cứu mới về văn hóa. Thông qua đó, đường lối văn hóa của Đảng đã có sự thay đổi từ nền văn hóa “có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản”<sup>2</sup> đến nền văn hóa tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là một trong những đặc điểm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, vừa là định hướng của một nền văn hóa mới. Đội ngũ trí thức đã không ngừng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, tiếp thu những thành tựu lý luận về văn hóa của thế giới, kế thừa những giá trị lý luận văn hóa dân tộc để hình thành hệ thống lý luận về một nền văn hóa mới: nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hệ thống lý luận về xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc được thể hiện rõ trong hệ thống Văn kiện, Nghị quyết của Đảng về văn hóa, trong các chính sách phát triển văn hóa của đất nước thời kỳ đổi mới, trong các chương trình nghiên cứu khoa học và trong thực tiễn xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Tư tưởng về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được đề cập đến trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ* lên chủ nghĩa xã hội năm 1991. Tư tưởng này được cụ thể hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII năm 1998. Không dừng lại ở đó, đội ngũ trí thức tiếp tục nghiên cứu, sáng tạo nên những thành tựu lý luận mới, khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của

văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước. Văn hóa gắn với sự hình thành và phát triển con người, thấm sâu vào mọi hoạt động sống của con người. Từ đó, Đảng ta đã tiếp tục tiếp nhận những thành tựu nghiên cứu của đội ngũ trí thức, tổng kết thực tiễn 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và ban hành Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới được khẳng định, đó là: một nền văn hóa yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu tất cả vì con người. Nền văn hóa tiên tiến không chỉ ở nội dung mà cả ở hình thức, phương thức chuyển tải. Và tính chất tiên tiến của nền văn hóa Việt Nam được đặt trong mối quan hệ hài hòa với bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị văn hóa truyền thống như yêu nước, nhân văn, đoàn kết, trọng nghĩa tình đạo lý, cần cù trong lao động, giản dị trong lối

sống, tinh tế trong ứng xử,... vẫn là những giá trị cốt lõi để từ đó bổ sung những giá trị mới, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

Từ thực tiễn phát triển văn hóa dân tộc, từ những kinh nghiệm của thế giới, cả những kinh nghiệm thành công và chưa thành công, đội ngũ trí thức Việt Nam đã tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học, phát triển lý luận về xây dựng nền văn hóa dân tộc cho phù hợp với quy luật khách quan cũng như điều kiện cụ thể của đất nước và bối cảnh khu vực, quốc tế. Nhiều nội dung mới về xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc đã được đội ngũ trí thức đề xuất, trở thành những định hướng, những nhiệm vụ phát triển văn hóa như: văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, là động lực, là sức mạnh nội sinh trong phát triển đất nước, sức mạnh mềm văn hóa, công nghiệp văn hóa, thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, ...

Điều đó cho thấy, những sáng tạo không ngừng của đội ngũ trí thức trong lĩnh vực lý luận đã góp phần quan trọng làm sáng rõ sự phát triển nền văn hóa mới của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới nói riêng cũng như

con đường phát triển của đất nước nói chung. Chính vì vậy, Đảng ta đã khẳng định: “Đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới”<sup>3</sup>.

## **2. Sáng tạo ra các sản phẩm, các giá trị văn hóa**

C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng nói “mỗi thế hệ một mặt tiếp tục cái hoạt động được truyền lại, trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động đã hoàn toàn thay đổi”<sup>4</sup>. Mặc dù chúng ta vẫn thực hiện những hoạt động tương chừng như giống nhau trong các thời

đại (lao động, sản xuất, học tập, đi lại, khám chữa bệnh...) nhưng trong những hoàn cảnh khác nhau thì đòi hỏi phải có sự sáng tạo để thích ứng với những điều kiện khác nhau đó. Trong dòng chảy của văn hóa Việt Nam, đội ngũ trí thức luôn đóng vai trò là người sáng tạo ra các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần; nhưng trong từng hoàn cảnh khác nhau, những giá trị văn hóa ấy luôn được làm mới tạo nên sự phong phú, đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam.

Bản chất của văn hóa là sáng tạo ra những giá trị mới phục vụ cho sự sinh tồn và phát triển của con người. Tất nhiên, sự sáng tạo trong văn hóa không phải là của độc quyền đội ngũ trí thức. Nhưng đội ngũ trí thức luôn tiên phong trong sự tìm tòi, sáng tạo những giá trị văn hóa mới, tạo nên những đỉnh cao văn hóa của dân tộc. Trong một nền văn hóa thường có diện và điểm. Nếu như diện của một nền văn hóa là kết quả những sáng tạo của cộng đồng, thì điểm là những điểm nhấn, những thành tựu văn hóa đỉnh cao của những cá nhân xuất sắc. Diện và điểm đều có những vai trò lịch sử của mình. Nhưng những đỉnh cao

văn hóa thường là kết tinh tài năng, trí tuệ, sức sáng tạo của những người trí thức, văn nghệ sĩ. Những Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi, Truyện Kiều của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương,... là những đỉnh cao của văn hóa nghệ thuật Việt Nam.

Năm 2008, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 khóa X đã ra Nghị quyết số 27-NQ/TW *Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nghị quyết đã khẳng định: “Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển”<sup>4</sup>. Điều đó cho thấy, trong xã hội hiện đại, đội ngũ trí thức có vai trò, vị thế đặc biệt quan trọng trong sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới nhằm đáp ứng những đòi hỏi của thời đại mới, trong những hoàn cảnh và điều kiện mới.

Trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đội ngũ trí thức luôn miệt mài nghiên cứu, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, thử thách để đạt được những thành tựu to lớn vì sự phát triển của đất nước. Những mô hình phát triển “kinh tế tri thức”, “kinh tế tuần hoàn”, “Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp”, “Chính phủ kiến tạo”, “Chính phủ số”... đã cho thấy rất rõ vai trò to lớn của đội ngũ trí thức. Trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, trong thời gian gần đây, đã có hàng trăm tác giả, tác phẩm đã được Đảng, Nhà nước, Nhân dân tôn vinh bằng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước. Đây là những phần thưởng cao quý dành cho những tác phẩm đặc biệt xuất sắc, có giá trị cao về văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng; là sự ghi nhận và đánh giá của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với văn nghệ sĩ, trí thức đã có nhiều cống hiến, vì sự phát triển của nền văn học nghệ thuật nước nhà.

### **3. Bảo vệ, trao truyền, lan tỏa các giá trị văn hóa**

Để những giá trị văn hóa dân tộc được lan tỏa theo thời gian và không gian đòi hỏi phải có những chủ thể

thực hành, bảo vệ và trao truyền các giá trị ấy. Cổ nhiên, người dân, quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo nhất để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Nhưng đội ngũ trí thức trong lĩnh vực văn hóa là những người am hiểu về các giá trị văn hóa dân tộc, có khả năng khái quát, dẫn dắt cộng đồng trong việc thực hành văn hóa. Bằng trí thức, phương pháp, uy tín, họ không chỉ truyền dạy cho cộng đồng cách thức thực hành văn hóa mà họ còn nâng cao nhận thức cho cộng đồng về giá trị của của sản phẩm văn hóa để từ đó chung tay bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hóa. Đặc biệt, đối với các di sản văn hóa có nguy cơ mai một, thất truyền thì đội ngũ trí thức là lực lượng quan trọng để phục hồi, phục dựng, để hóa giải các nguy cơ. Trí thức cũng là lực lượng có vai trò nòng cốt trong quá trình quảng bá, lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc. Họ có thể tư liệu hóa các giá trị văn hóa qua sưu tầm, phim, ảnh, các công trình nghiên cứu; mô hình hóa việc thực hành các giá trị văn hóa thông qua các câu lạc bộ, các hội, nhóm;... Bằng nhiều cách thức khác nhau, những giá trị văn hóa được đội ngũ trí thức đưa

đến với công chúng trong và ngoài nước. Đây cũng chính là cách phát huy sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, làm cho công chúng thấy được sức hấp dẫn của các giá trị văn hóa.

Thông qua thực hành văn hóa, đội ngũ trí thức thúc đẩy quá trình hiện đại hóa văn hóa dân tộc mà không làm mất đi truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc. Sự đóng góp của đội ngũ trí thức trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ cũng đã góp phần quan trọng trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Việc ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ đã tạo ra những hướng đi mới trong bảo tồn di sản văn hóa, trong thúc đẩy giao lưu văn hóa. Những bảo tàng 3D đã làm giảm nguy cơ tổn hại đến các hiện vật. Những công nghệ thực tế ảo đã làm sống dậy nhiều thực hành văn hóa truyền thống, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ về các giá trị văn hóa truyền thống như lễ hội, các hình thức diễn xướng dân gian,... Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi cách thức sáng tạo, thực hành văn

hóa. Sự tiên phong của đội ngũ trí thức trong việc sáng tạo ra những sản phẩm khơi dậy tiềm năng sáng tạo văn hóa của con người là những đóng góp hết sức thiết thực trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc.

Thực tế phát triển của nhân loại đã cho thấy một quy luật khách quan “Văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa suy thì dân tộc yếu, văn hóa mất thì dân tộc diệt”. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, để không trở thành bản sao, bóng mờ của người khác, đòi hỏi các quốc gia tham gia vào quá trình hội nhập phải có bản lĩnh. Bản sắc văn hóa là một lợi thế của Việt Nam trong phát triển, nhưng để hội nhập thành công, để bản sắc văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh của đất nước thì đòi hỏi phải có trí tuệ và bản lĩnh. Chính vì vậy, việc giữ gìn, trao truyền, khẳng định giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc là đòi hỏi cấp thiết. Bảo tồn, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc không chỉ khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc mà còn khẳng định chủ quyền đất nước. Đây là vấn đề của cả dân tộc nhưng đội ngũ trí thức giữ trọng trách quan trọng.

#### **4. Tiêu dùng, thẩm định và thụ hưởng các giá trị văn hóa**

Đội ngũ trí thức không chỉ là chủ thể sáng tạo, thực hành, lan tỏa các giá trị văn hóa, các sản phẩm văn hóa mà chính họ là người tiêu dùng các sản phẩm văn hóa. Với tư cách là người tiêu dùng các sản phẩm văn hóa, người trí thức góp phần tạo động lực cho việc sáng tạo những giá trị văn hóa mới. Nhưng việc tiêu dùng các giá trị văn hóa của người trí thức có sự khác biệt tương đối so với các nhóm xã hội khác. Người trí thức, bằng năng lực, tri thức của mình, là những chủ thể có khả năng đánh giá, thẩm định những sản phẩm văn hóa để từ đó khẳng định hoặc phê phán. Với uy tín của mình, đội ngũ trí thức còn có khả năng tạo ra những trào lưu xã hội trong việc tiêu dùng các sản phẩm văn hóa. Việc đánh giá của những trí thức có tên tuổi về các sản phẩm văn hóa sẽ thu hút được sự quan tâm của xã hội về sản phẩm văn hóa đó. Nếu đó là sự đánh giá tích cực, sẽ tạo nên những hiệu ứng tích cực trong việc phổ biến, lưu thông, tiêu dùng các sản phẩm đó và ngược lại. Hay nói cách khác, hành vi tiêu dùng, thái độ của đội ngũ trí

thức với các sản phẩm văn hóa có tác dụng định hướng cho xã hội trong việc tiếp nhận các sản phẩm văn hóa.

Nhưng không chỉ dừng lại ở việc thẩm định các giá trị văn hóa trong các sản phẩm văn hóa, với năng lực của mình, đội ngũ trí thức là lực lượng có khả năng tiếp biến, sáng tạo ra các giá trị văn hóa mới từ chính các sản phẩm văn hóa mà họ được tiếp nhận. Lịch sử văn hóa Việt Nam đã chứng kiến nhiều cuộc giao lưu văn hóa lớn với các nền văn hóa, văn minh lớn của nhân loại. Và trong những lần giao lưu văn hóa ấy, đội ngũ trí thức luôn đóng vai trò nổi bật trong việc tiếp nhận và tiếp biến những giá trị văn hóa của nhân loại để làm phong phú hơn giá trị văn hóa dân tộc. Có thể nói, đội ngũ trí thức Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử đã có kinh nghiệm trong việc lựa chọn những giá trị ngoại sinh để biến đổi, cấu trúc lại cho phù hợp với văn hóa Việt Nam, biến những yếu tố ngoại sinh thành yếu tố nội sinh, thành bộ phận hữu cơ của văn hóa Việt Nam để tiếp tục phát triển nền văn hóa dân tộc.

Ngày nay, hội nhập quốc tế vừa mang lại những thời cơ lớn nhưng cũng mang đến những thách thức

không nhỏ cho quá trình phát triển văn hóa dân tộc. Những thách thức đó diễn ra đối với việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc vừa là thách thức đối với việc tiêu dùng, thẩm định, thụ hưởng những giá trị văn hóa của nhân loại. Đội ngũ trí thức đã trở nên rất nhiều trong quá trình giao lưu, tiếp biến những giá trị văn hóa của các dân tộc khác trong thời đại ngày nay. Bởi nếu chúng ta không đủ bản lĩnh, sức mạnh, sự sáng suốt thì rất dễ bị những yếu tố văn hóa ngoại lai lấn át, làm thui chột và suy yếu giá trị văn hóa dân tộc; các thế lực bên ngoài sẽ thực hiện việc áp đặt văn hóa; ta tự đánh mất mình trong thế giới hiện đại.

Nhận thức rõ những khó khăn thách thức đó, đội ngũ trí thức đã chủ động đổi mới tư duy về văn hóa và phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Đội ngũ trí thức đã góp phần quan trọng trong đánh giá, tiếp nhận những thành tựu mới về lý luận văn hóa, chuyển giao thành tựu về khoa học kỹ thuật, công nghệ nhằm hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc, mở rộng hoạt động xuất, nhập khẩu sản phẩm văn hóa, đáp ứng nhu

cầu văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú của người dân.

Ngoài ra, thông qua tiêu dùng, thẩm định, thụ hưởng các giá trị văn hóa, đội ngũ trí thức cũng nhận thức rõ hơn những yếu kém, bất cập trong phát triển văn hoá dân tộc, những thiếu hụt của văn hóa nước nhà. Từ đó, đội ngũ trí thức đề xuất với Đảng, Nhà nước những yếu tố văn hóa mới cần được hình thành trong quá trình phát triển nền văn hóa mới cũng như quá trình đổi mới đất nước. Điều này góp phần quan trọng vào quá trình hoàn thiện, phát triển toàn diện văn hóa, con người Việt Nam.

Ngày nay, văn hóa được khẳng định là một lĩnh vực trọng yếu của quốc gia trong quá trình phát triển. Để khơi dậy được giá trị văn hóa dân tộc, đóng góp trực tiếp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải phát huy

được vai trò của các chủ thể, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến vai trò của đội ngũ trí thức. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách phát triển đội ngũ trí thức, trong đó có đội ngũ trí thức trong lĩnh vực văn hóa. Tuy nhiên, để phát huy được vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng nền văn hóa dân tộc, đòi hỏi cần có sự quan tâm hơn nữa đối với đội ngũ này. Sự quan tâm này phải được thể hiện ở hệ thống chính sách toàn diện và đồng bộ, sự quan tâm này phải được thể hiện ở nguồn lực đầu tư xây dựng đội ngũ, sự quan tâm này phải được thể hiện ở tôn vinh, khích lệ của Đảng, Nhà nước và xã hội đối với những nỗ lực, cống hiến của họ. Có như vậy, đội ngũ trí thức sẽ có động lực sáng tạo, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện đại, khoa học, nhân văn ■

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.320-321.

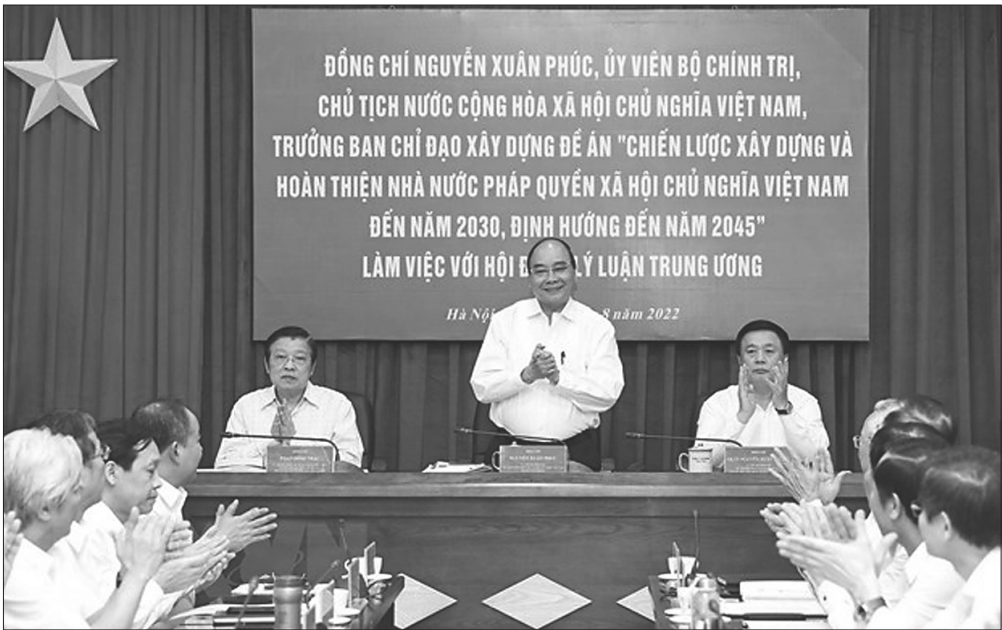
<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.93-94.

<sup>3,5</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.67, Sđd, tr.793-794, 792.

<sup>4</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.65.



# CHỦ TỊCH NƯỚC LÀM VIỆC VỚI HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG VỀ ĐỀ ÁN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN



*Sáng 11/8/2022, tại Hà Nội, Chủ tịch nước chủ trì buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương về Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, hướng đến năm 2045”*

*Ảnh: Vietnamplus*

Sáng 11/8, tại trụ sở Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” chủ trì buổi làm việc của Thường trực Ban Chỉ đạo với Hội đồng Lý luận Trung ương.

Tham dự buổi làm việc có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị: Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Phan Đình Trạc; Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Nguyễn Xuân Thắng cùng các thành viên Tổ Biên tập xây dựng Đề án, các chuyên gia, nhà khoa học pháp lý.

Tại buổi làm việc, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc ghi nhận, đánh giá cao Hội đồng Lý luận Trung ương đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ, có nhiều đóng góp trong thời gian qua, nhất là tích cực tham gia xây dựng Đề án, hoàn thành hai chuyên đề quan trọng Ban Chỉ đạo phân công. Các thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương thống nhất, đánh giá cao sự chuẩn bị bài bản, công phu, bài bản, khoa học, dân chủ của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án; thống nhất, đồng tình với nội dung

Đề án và cho rằng dự thảo Đề án là sản phẩm của trí tuệ tập thể, phản ánh khái quát, cô đọng, tương đối đầy đủ kết quả nghiên cứu của các cấp ủy, tổ chức đảng, ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo và tiếp thu

\_\_\_\_\_ một cách phù hợp nhất ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trên cơ sở cân nhắc, giải quyết hài hòa các yếu tố: cải cách, đổi mới; giữ vững ổn định chính trị, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu thực tiễn đất nước. Dù vẫn còn một số điểm cần được tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu

**Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc ghi nhận, đánh giá cao Hội đồng Lý luận Trung ương đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ, có nhiều đóng góp trong thời gian qua, nhất là tích cực tham gia xây dựng Đề án, hoàn thành hai chuyên đề quan trọng Ban Chỉ đạo phân công.**

để hoàn chỉnh, nhưng về cơ bản, dự thảo Đề án đã đạt được sự đồng thuận, thống nhất rất cao từ phía Hội đồng Lý luận Trung ương, nhất là cơ sở lý luận, thực tiễn của Đề án và những nội dung cốt lõi đưa vào Nghị quyết. Nhiều ý kiến đồng tình với những lập luận, giải trình và hướng giải quyết của Ban Chỉ đạo về những vấn đề có ý kiến khác nhau.

Các thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương thống nhất đã có đầy đủ cơ sở khoa học lý luận và thực tiễn để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là sự vận dụng sáng tạo, hợp lý tri thức về nhà nước pháp quyền của thế giới vào thực tiễn Việt Nam, Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa mang đầy đủ những giá trị phổ quát, chuẩn mực của một nhà nước pháp quyền, vừa mang những nét đặc thù chính trị, kinh tế, văn hóa nước ta, do Đảng lãnh đạo. Cùng với đó là sự đổi mới tư duy lý luận về nhà nước của Đảng ta, từ tư duy lý luận về nhà nước chuyên chính vô sản sang tư duy lý luận về Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước có những biến đổi to lớn, toàn diện hiện nay, việc tập trung xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quy luật phát triển tất yếu của Nhà nước Việt Nam, là nguyện vọng và sự lựa chọn của nhân dân, phù hợp với xu hướng phát triển nhà nước trên thế giới, đã được Đảng ta cân nhắc kỹ lưỡng.

Các ý kiến ý kiến thống nhất cao Đề án đã được chuẩn bị bài bản, công phu, dân chủ, khoa học, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, nội dung được biên tập chặt chẽ về câu chữ, không có những sơ hở để các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Đề án vừa tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế; vừa kế thừa, phát huy những thành tựu đạt được trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau hơn 35 năm đổi mới; vừa xác định những đột phá và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn, có đổi mới và định hướng cho thời gian dài, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững. Nguyên tắc xây dựng đề án là kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo đảm sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng; cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả những chủ trương, nhiệm vụ, quy định về xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Cương lĩnh, Hiến pháp năm 2013, Văn

kiện Đại hội XIII của Đảng và tư tưởng của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đối với những vấn đề mới mà Cương lĩnh, Hiến pháp, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chưa đề cập, chưa quy định hoặc những vấn đề chưa chín, chưa đủ rõ thì đặt ra nhiệm vụ định hướng nghiên cứu, triển khai trong giai đoạn từ sau năm 2030 đến năm 2045 khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền.

Nội dung Đề án đã bao quát đầy đủ các vấn đề trọng tâm trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam như xây dựng và hoàn thiện thể chế; cải cách, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; đổi mới lập pháp; cải cách hành chính, cải cách tư pháp; kiểm soát quyền lực nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân...; khái

quát chính xác, khách quan về kết quả, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền thời gian qua, các quan điểm, mục tiêu, đột phá, nhiệm vụ, giải pháp được nêu phù hợp, bám sát thực tiễn và có tính khả thi.

**Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ có nhiệm vụ rất quan trọng là tiếp tục làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, góp phần hoàn thành nhiệm vụ lịch sử, trọng trách cao cả nhưng cũng rất nặng nề mà toàn Đảng, toàn dân ta phải cùng nhau nỗ lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững trong nhiều năm tới.**

Chủ tịch nước yêu cầu Tổ Biên tập tiếp thu đầy đủ các ý kiến của Hội đồng Lý luận Trung ương để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện Đề án và cho rằng trong thời gian tới, sau khi Nghị quyết được thông qua, Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ có nhiệm vụ rất quan trọng là tiếp tục làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, góp

phần hoàn thành nhiệm vụ lịch sử, trọng trách cao cả nhưng cũng rất nặng nề mà toàn Đảng, toàn dân ta phải cùng nhau nỗ lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững trong nhiều năm tới ■

# PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU MỘC BÀI THEO HƯỚNG XANH, BỀN VỮNG



*Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh*

*Ảnh: vov.vn*

Vừa qua, Hội đồng lý luận Trung ương, Tỉnh ủy Tây Ninh phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học: “Quan điểm, định hướng giải pháp phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng đô thị - công nghiệp - dịch vụ cửa khẩu xanh, bền vững giai đoạn đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương; đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Thành Tâm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh; đồng chí chủ trì hội thảo.

Tại hội thảo, Ban Tổ chức thống kê: tháng 12/2020, Tỉnh ủy Tây Ninh đã phối hợp với Hội đồng tổ chức Hội thảo khoa học “Khu kinh tế Mộc Bài - Lựa chọn mô hình và định hướng phát triển”; Hội thảo đã phân tích đánh giá vị trí địa kinh tế, địa chính trị trong lợi thế so sánh, thực trạng phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, kinh nghiệm quốc tế và kinh nghiệm trong nước phát triển các khu kinh tế và đề ra định hướng, mô hình phát triển cho Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng đa chức năng: Công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ, có khả năng cạnh tranh ở tầm quốc gia, khu vực và quốc tế, lấy công nghiệp hiện đại, đô thị sinh thái làm động lực chính.

Mô hình được đề xuất cho Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài trong thời gian tới cũng phù hợp Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm được nêu trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó xác định “Phát triển chuỗi công nghiệp-đô thị Mộc Bài - TP Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế xuyên Á”...

Từ kết quả Hội thảo trước, Tỉnh ủy Tây Ninh được Hội đồng Lý luận Trung ương hỗ trợ tiếp tục nghiên cứu sâu nhằm làm rõ hơn các đề xuất, tạo cơ sở lý luận chặt chẽ hơn trong giai đoạn xây dựng và trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, góp phần đảm bảo tính khoa học, khả thi của quy hoạch.

Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh cho biết, Tây Ninh nằm phía tây bắc của khu vực Đông Nam bộ, có đường biên giới trên bộ dài thứ hai với nước bạn Campuchia, là hướng kết nối quan trọng của khu vực phía nam với Campuchia, tiểu vùng sông Mekong mở rộng và các nước ASEAN, đặc

biệt là hướng kết nối thuận tiện nhất giữa Thành phố Hồ Chí Minh với thủ đô Phnom Penh thông qua trục đường Xuyên Á và cửa khẩu quốc tế Mộc Bài. Với vị trí chiến lược như vậy, Mộc Bài từ lâu đã trở thành cửa ngõ, cầu nối trên bộ quan trọng giữa Việt Nam và Campuchia.

Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng bày tỏ hy vọng rằng hội thảo lần này sẽ có nhiều ý kiến đóng góp trí tuệ, sâu sắc, những kinh nghiệm quý báu từ các nhà khoa học, chuyên gia, lãnh đạo các bộ, ngành, các địa phương về những định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài để Tây Ninh báo cáo Trung ương cho chủ trương, chỉ đạo làm cơ sở xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

Đây còn là một cơ hội để tiếp cận các quan điểm, tư duy mới về định hướng chiến lược phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ cửa khẩu trong giai đoạn mới; làm cơ sở để địa phương tiếp thu, hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang

được tổ chức lập; đồng thời, đề xuất, bổ sung các quan điểm mới trong quá trình Trung ương đang tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết 53-NQ/TW, ngày 29/8/2005 và Kết luận số 27-KL/TW, ngày 2/8/2012 của Bộ Chính trị và xây dựng Nghị quyết mới về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ.

Qua đó, đề xuất quan điểm, mục tiêu, định hướng giải pháp và kiến nghị phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng đô thị-công nghiệp-dịch vụ cửa khẩu xanh, bền vững gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tại hội thảo, các đại biểu đã nghe nhiều bài tham luận phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng và phát triển KKT cửa khẩu Mộc Bài đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; làm rõ vị trí địa lý, tiềm năng, lợi thế của KKT trong bối cảnh mới. Đồng thời, đề xuất mục tiêu, định hướng, giải pháp và kiến nghị phát triển KKT cửa khẩu Mộc Bài theo hướng đô thị - công nghiệp - dịch vụ cửa khẩu xanh, bền vững gắn với đảm bảo

quốc phòng – an ninh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Theo lãnh đạo Bộ KH-ĐT, KKT cửa khẩu Mộc Bài thu hút được 56 dự án đầu tư, trong đó có 20 dự án vốn đầu tư nước ngoài và 36 dự án có vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 401 triệu USD và 8.600 tỷ đồng là chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, năm 2015 thu ngân sách đạt 149,45 tỷ đồng, năm 2019 tăng lên 380,65 tỷ đồng, đến năm 2021 đạt 246,14 tỷ đồng.

Phát biểu tại hội thảo, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cho rằng, Khu kinh tế Mộc Bài với tính chất là khu kinh tế trọng điểm, là một cực tăng trưởng kinh tế và vùng động lực phát triển mới ở phía nam của đất nước.

“Chúng ta hướng tới phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo mô hình khu kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, trọng tâm là hình thành một Trung tâm công nghiệp - đô thị - thương mại dịch vụ và logistic. Theo đó, phát triển khu kinh tế theo hướng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp kết nối và đổi mới sáng tạo. Xây dựng khu đô thị sinh thái, đáng sống,

thông minh, vừa có đẳng cấp quốc tế, hội nhập, vừa mang bản sắc Việt Nam. Hình thành trung tâm dịch vụ cửa khẩu thông minh, hiện đại, trung tâm thương mại dịch vụ và logistic, nơi trung chuyển giao thương quốc tế của Tiểu vùng Mekong, kết hợp với phát triển các lĩnh vực tài chính, du lịch, nông-lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác”, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nói.

Theo đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, cần bổ sung, hoàn thiện quy hoạch Khu kinh tế Mộc Bài mang tầm nhìn dài hạn, ổn định làm căn cứ cho việc quy hoạch, quản lý sử dụng đất đai hiệu quả, quản lý phát triển, đầu tư xây dựng các khu vực trong khu kinh tế cũng như kết nối giữa khu kinh tế với bên ngoài trên cơ sở rà soát quá trình triển khai Quy hoạch chung của Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2009. Bên cạnh đó cần tăng cường đầu tư phát triển, xây dựng hạ tầng hiện đại theo phương châm “hạ tầng đến đâu, giàu đến đấy” trong việc lựa chọn và xác định các phân khu chức năng trong cấu trúc quy hoạch phát triển ■